

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<u>I. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</u>									
Địa chất khoáng sản									
1.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 1: Phương pháp khối lượng xác định chất không tan	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
2.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 2: Phương pháp chuẩn độ thể tích xác định hàm lượng photpho	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
3.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử : Phần 3: Phương pháp ICP-OES xác định hàm lượng Photpho	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
4.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 4: Phương pháp thể tích	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và đo màu xác định hàm lượng Flo							
5.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 5: Phương pháp so màu với thuốc thử hidro peoxit xác định titan	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
6.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 6: Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng silic	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
7.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 7: Phương pháp ICP-OES xác định hàm lượng CaO, MgO	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
8.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 8: Phương pháp chuẩn độ bicromat xác định sắt tổng số	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
9.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 9: PP chuẩn độ bicromat xác định sắt (II)	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
10.		Quặng Apatit, Photphorit - Phương pháp thử: Phần 10: Phương pháp khối lượng xác định lưu huỳnh	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
11.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – phương pháp lấy mẫu đất để đo hoạt độ phóng xạ.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
12.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – phương pháp lấy mẫu nước để đo hoạt độ phóng xạ.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
13.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – phương pháp lấy mẫu nông phẩm để đo hoạt độ phóng xạ.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
14.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của ²²⁶ Ra trên máy phổ gamma phân giải cao.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
15.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		²³² Th trên máy phổ gamma phân giải cao.							
16.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của ⁴⁰ K trên máy phổ gamma phân giải cao.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
17.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Quy trình lập bộ bản đồ môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:250.000.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
18.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Quy trình lập bộ bản đồ môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:50.000.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
19.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Quy trình lập bộ bản đồ môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:5000.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
20.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Phương pháp đo địa chấn nông phân giải cao trên biển	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
21.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Phương pháp xác định	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất lượng tài liệu đo địa chấn nông phân giải cao trên biển.							
22.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Phương pháp xử lý, phân tích các băng địa chấn nông phân giải cao trên biển.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
23.		Quy trình thủy tinh hóa mẫu đá cho phân tích thành phần hóa học của đá	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
24.		Quy trình lấy và gia công mẫu đá tổng cho phân tích đồng vị xác định tuổi tuyệt đối	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
25.		Quy trình lấy và gia công mẫu quặng cho phân tích đồng vị xác định tuổi tuyệt đối	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
26.		Quy trình tách khoáng vật feldspat muscovit và biotit cho phân tích đồng vị phóng xạ Rb-Sr	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			
27.		Quy trình tách khoáng vật granat, pyroxen, hornblend cho phân tích đồng vị phóng xạ Sm-Nd	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Môi trường									
28.		Chất lượng nước - Lấy mẫu – Phần 24: Hướng dẫn kiểm tra chất lượng mẫu nước	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 5667-24:2016	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
29.		Chất lượng nước – Xác định độ đục – Phần 1: Phương pháp định lượng	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 7027-1:2016	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
30.		Chất lượng nước – Lấy mẫu – Phần 4: Hướng dẫn lấy mẫu từ các hồ tự nhiên và hồ nhân tạo	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 5667-4:2016	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
31.		Xác định hợp chất khí hữu cơ bằng cách bơm trực tiếp vào sắc ký khí khối phổ	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận EPA Method 028	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
32.		Phát thải nguồn tĩnh - Xác định bụi tổng	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận EPA Method 5	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
33.		Phát thải nguồn tĩnh - Xác định phát thải Chi vô cơ	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận EPA Method 12	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
34.		Chất lượng nước – Xác định chuỗi ngắn alkan polyclo hóa (SCCPs) trong trầm tích, bùn	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 18635:2016	Tổng cục Môi trường	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thải và bùn lơ lửng – Phương pháp sử dụng sắc ký khí khối phổ (GC-MS) và ion hóa bắt điện tử (ECNI)							
35.		Phát thải nguồn tĩnh - Xác định hơi thủy ngân	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận EPA Method 30A	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
36.		Chất dẻo - Xác định mức độ phân rã của vật liệu chất dẻo dưới các điều kiện tạo compost trong phép thử thí điểm	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 16929:2013	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
37.		Xác định mức độ phân rã của vật liệu chất dẻo dưới các điều kiện tạo compost mô phỏng trong phép thử phòng thí nghiệm	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ISO 20200:2004	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
38.		Phương pháp thử cho tiếp xúc chất dẻo có khả năng phân hủy quang học ngoài trời	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận ASTM D 5272	Tổng cục Môi trường	2017	2017			
39.		Phương pháp xác định dioxin trong máu	Tiêu chuẩn xây dựng mới chấp nhận EPA Method 1613B	Tổng cục Môi trường	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Đo đạc và Bản đồ									
40.		Bản đồ địa hình - Thành lập bản đồ địa hình từ dữ liệu địa lý tỷ lệ tương ứng	Xây dựng mới	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	2017	2017			
41.		Bản đồ địa hình - Thành lập bản đồ địa hình từ dữ liệu địa lý khác tỷ lệ	Xây dựng mới	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	2017	2017			
42.		Bản đồ địa hình - Biên tập chế in bản đồ địa hình	Xây dựng mới	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	2017	2017			
<u>II. BỘ XÂY DỰNG</u>									
Máy xây dựng									
43.		Máy đào và chuyên đất – An toàn – Yêu cầu cho máy đầm lèn đất và rác	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 474-8:2010	Đại học Xây dựng	2016	2017			
44.		Máy đào và chuyên đất – An toàn – Yêu cầu cho máy đào dẫn động cáp	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 474-11:2010	Đại học Xây dựng	2016	2017			
45.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy sản xuất ống bê tông với trục nằm ngang	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 474-12:2010	Đại học Xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
46.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy sản xuất ống bê tông ứng suất trước	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 12629-5-2:2011	Đại học Xây dựng	2016	2017			
47.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy bọc ống bê tông	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 12629-5-3:2011	Đại học Xây dựng	2016	2017			
48.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Thiết bị sản xuất các sản phẩm bê tông cốt thép đúc sẵn cố định và di động	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 12629-5-4:2011	Đại học Xây dựng	2016	2017			
49.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Thiết bị cho dây chuyền sản xuất các sản phẩm ứng suất trước cố định và di động	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 12629-6:2011	Đại học Xây dựng	2016	2017			
50.		Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát – An toàn – Máy và thiết bị sản xuất các sản phẩm	Biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn châu Âu: EN 12629-7:2011	Đại học Xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		xây dựng từ cát (và bê tông)							
Kết cấu trong xây dựng									
51.		Gia cố nền đất yếu - phương pháp gia cố nông toàn khối	+ Design Guide Soft Soil Stabilization CT97-0351; + EuroSoilStab-2010, EN 14679:2005. Execution of special geotechnical works. Deep mixing;	Đại học Xây dựng	2016	2017			
52.		Khảo sát cho xây dựng - phương pháp nén ngang trong hố khoan	NF P 94-110: Soil: Investigation and Testing-Menard pressure meter test.	Đại học Xây dựng	2016	2017			
53.		Nhà và Công trình dạng tháp- Quy trình quan trắc độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	Soát xét TCVN 9400:2012	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
54.		Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công	Soát xét TCVN 9360:2012	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học							
55.		Đất xây dựng - Phân loại	- Soát xét TCVN 5747:1993 TCVN 8219:2009 - Trên cơ sở tiêu chuẩn Nga GOST 25100-2011	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
56.		Khảo sát xây dựng - Báo cáo kết quả khảo sát	Trên cơ sở tiêu chuẩn Nga SP 11-105-97 và SNiP 11-02-96	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
57.		Khảo sát xây dựng - Phương pháp địa vật lý: Địa chấn 1 lỗ khoan	Dựa trên cơ sở tiêu chuẩn Mỹ ASTM D7400-8	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
58.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	Soát xét TCVN 5574:2012	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
59.		Cờ bản nhựa uPVC – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Dựa trên TCCS 01:2013/CNS	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
60.		Cờ bản nhựa uPVC – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	Dựa trên TCCS 02: 2013/ CNS	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
61.		Thép cốt bê tông – Hàn khí áp lực - Kiểm tra và nghiệm thu	Dựa trên cơ sở tiêu chuẩn JIS Z 3120 -2014	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
62.		Thép cốt bê tông – Hàn khí áp lực - Chứng nhận quy trình hàn	Dựa trên cơ sở tiêu chuẩn JIS Z3881 -2014	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
Vật liệu xây dựng									
63.		Kính xây dựng - Yêu cầu và quy tắc lắp đặt kính	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Hiệp hội kính và thủy tinh việt nam	2016	2017			
64.		Lắp dựng kính - Phân loại và thuật ngữ.	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Hiệp hội kính và thủy tinh việt nam	2016	2017			
65.		Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu bằng panen bê tông tổ ong	Dự kiến sẽ dựa chủ yếu vào tiêu chuẩn của Nga CTO 501-52-01-2007	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
66.		Chỉ dẫn sửa chữa và gia cường kết cấu tường bê tông tổ ong của nhà ở và công nghiệp	Dựa trên cơ sở Chỉ dẫn của Nga “Рекомендации и по ремонту ячеистобетонных стен жилых и промышленных зданий”	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
67.		Sản phẩm bê tông đúc sẵn – Vữa Xi măng cốt sợi thủy tinh – Phương pháp thử - Xác định độ lưu động” và 2. “Sản phẩm bê tông đúc sẵn	Tiêu chuẩn của BS EN 1170-1:1998 BS EN 1170-2:1998	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		- Vữa Xi măng cốt sợi thủy tinh - Phương pháp thử - Xác định hàm lượng sợi trong hỗn hợp vữa cốt sợi thủy tinh bằng phương pháp rửa trôi							
68.		Vật liệu xảm khe - phương pháp thử độ chảy	Dựa trên cơ sở tiêu chuẩn D2202-00 (2014)	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	2016	2017			
69.		Vữa cho bê tông nhẹ	Soát xét Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9028:2011 Tham khảo BS EN 998 (1-2):2010	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
70.		Gạch bê tông tự chèn	Soát xét Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6476:1999 Tham khảo BS EN 1338:2003	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
71.		Vật liệu chịu lửa không định hình - Phương pháp thử - Phần 7: Kiểm tra các sản phẩm được định hình trước; - Phần 8: Xác định các tính chất bổ sung	Chấp nhận ISO 1927-7:2012 và ISO 1927-8:2012	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		- Thử nghiệm phản ứng với lửa - Phần 1: Xác định trạng thái cháy đối với mặt sàn khi sử dụng nguồn nhiệt bức xạ							
72.		Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tính cháy lan của ngọn lửa - Phần 2: Tính lan truyền trên bề mặt sản phẩm xây dựng và giao thông theo phương thẳng đứng	Chấp nhận ISO 9239-1:2010	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
73.		Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tốc độ giải phóng nhiệt, sinh khói và mất khối lượng. Phần 1: Xác định tốc độ giải phóng nhiệt (Phương pháp đo nhiệt lượng cơn) và tốc độ sinh khói (đo khói động)	Tham khảo ISO 5658-2:2011	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
74.		Thử nghiệm phản ứng với lửa – Xác định tổng nhiệt lượng khi cháy đối với sản phẩm	Chấp nhận ISO 5660-1:2015	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
75.		Đánh giá tính độc hại gây chết người của khói thải	Chấp nhận ISO 13344:2015	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
76.		Sơn phản xạ năng lượng mặt trời cho mái nhà	Tham khảo các tiêu chuẩn: JIS K 5675:2011; JIS K 5602:2008 và JIS K5600	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
77.		Sơn và vecni - Lớp phủ chống cháy bảo vệ bề mặt kim loại - Định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, đặc tính và ghi nhãn	Tham khảo: ASTM E84 và BS EN 16623:2015	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
78.		Thanh profile Poly (Vinyl Clorua) không hóa dẻo (PVC-U) để chế tạo cửa đi và cửa sổ	Tham khảo các tiêu chuẩn: BS EN 12608-1:2016; BS EN 477, 478, 479, 513, 514; ISO 105-A01; ISO 178, 306; ISO 1163-2; ISO 8256:2004; ISO 11664 (1-4)	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
79.		Vật liệu dán tường dạng cuộn - Vật liệu dán tường độ bền cao – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Tham khảo các tiêu chuẩn: BS EN 259 (1-2); BS EN 233, 235, 12149, 12956; ASTM D751; ASTM F793	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
80.		Vật liệu xảm dạng latex – Yêu cầu kỹ	Tham khảo ASTM C834	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thuật							
81.		Chất biến tính polyme dạng bột và dạng latex sử dụng trong vữa và bê tông xi măng – Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C1438	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
82.		Thử nghiệm chống cháy – Van chặn lửa cho hệ thống phân phối khí. Phần 1: Phương pháp thử; Phần 2: Phân loại, tiêu chí và lĩnh vực áp dụng kết quả thử nghiệm; Phần 3: Hướng dẫn thử nghiệm	Chấp nhận ISO 10294 (từ 1-3)	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
83.		Thử nghiệm chống cháy – Van chặn lửa cho hệ thống phân phối khí. Phần 4: Phép thử cơ chế giải phóng nhiệt	Chấp nhận ISO 10294-4	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
84.		Thử nghiệm chống cháy – Van chặn lửa cho hệ thống phân phối khí. Phần 5: Van chặn lửa trưng phòng	Chấp nhận ISO 10294-5	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
85.		Hồ thu nước cho tòa nhà. Phần 1: Hồ thu nước trên sàn có xi phong với nút nước sâu ít nhất 50mm; Phần 2: Hồ thu nước	Chấp nhận BS EN 1253 (1-2)	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trên sàn và trên mái không có xi phông							
86.		Hồ thu nước cho tòa nhà. Phần 3: Kiểm soát chất lượng; Phần 4: Nắp thu nước; Phần 5: Hồ thu nước có tấm chắn ngăn chất lỏng nhẹ	Chấp nhận BS EN 1253 (3-5)	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
87.		Chất kết dính và vữa thạch cao. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận BS EN 13279-1:2008	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
88.		Chất kết dính và vữa thạch cao. Phần 2: Phương pháp thử	Chấp nhận BS EN 13279-2:2008	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
89.		Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 4314:2003 Tham khảo các tiêu chuẩn: BS EN 998 (1-2); ASTM C270-014a	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
90.		Vữa xây dựng – Phương pháp thử. Phần 1-22	Soát xét TCVN 3121:2003 Tham khảo EN 1015	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
91.		Tấm thạch cao – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 8256:2009 Tham khảo các tiêu chuẩn ASTM C1396-	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			14a; ASTM C1278-07a						
92.		Kính xây dựng – Phương pháp xác định độ xuyên quang, độ phản quang, tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua và độ xuyên bức xạ tử ngoại	Soát xét TCVN 7737:2007 Tham khảo ISO 9050	Viện Vật liệu xây dựng	2017	2017			
93.		Thử nghiệm ăn mòn trong môi trường nhân tạo – Phép thử phun muối	Biên soạn mới Chấp nhận ISO 9227	Viện Vật liệu xây dựng	2017	2017			
94.		Xi măng Alumin	Soát xét TCVN 7569:2007 Tham khảo: BS EN 14647:2005 và GB 201:2015	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
95.		Tính năng nhiệt của cửa sổ, cửa đi và thiết bị che nắng – tính toán chi tiết	Chấp nhận ISO 15099	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
96.		Cách nhiệt truyền nhiệt bằng bức xạ - Các đại lượng vật lý và định nghĩa	Chấp nhận ISO 9288:1989	Viện Vật liệu xây dựng	2016	2017			
97.		Cốt liệu cho bê tông cản xạ- Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C637	Hội Bê tông VN	2016	2017			
98.		Sợi cho bê tông cốt sợi- Sợi thép- Yêu cầu	Tham khảo BS EN 14889-	Hội Bê tông VN	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kỹ thuật và sự phù hợp	1:2006						
99.		Phụ gia cuốn khí cho bê tông- Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C260	Hội Bê tông VN	2016	2017			
100.		Phụ Gia hóa học cho bê tông chảy- Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C1017	Hội Bê tông VN	2016	2017			
101.		Sợi cho bê tông cốt sợi- Sợi Polyme- Yêu cầu kỹ thuật và sự chấp nhận	Tham khảo BS EN 14889-2:2006	Hội Bê tông VN	2016	2017			
102.		Bê tông cốt sợi và bê tông cốt sợi phun- Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C1116/C1116M-10a(2015)	Hội Bê tông VN	2016	2017			
103.		Tiêu chuẩn hướng dẫn Quản lý sức khỏe và an toàn trong công nghiệp sản xuất bê tông thương phẩm	Tham khảo cẩm nang “Guidance on health and Safety management in the European Ready Mixed Concrete Industry” của ERMCO	Hội Bê tông VN	2016	2017			
104.		Bê tông định lượng theo thể tích và trộn liên tục- Yêu cầu kỹ thuật	ASTM C685/C685M-14	Hội Bê tông VN	2016	2017			
105.		Sản phẩm bê tông ứng lực trước- Yêu cầu kỹ	Soát xét TCVN 9114:2012	Hội Bê tông VN	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thuật và kiểm tra chấp nhận							
106.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Thi công và nghiệm thu	Soát xét TCVN 9115:2012,	Hội Bê tông VN	2016	2017			
107.		Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 9029:2011	Hội Vật liệu xây dựng VN	2016	2017			
108.		Gạch bê tông bọt khí không chưng áp - Phương pháp thử	Soát xét TCVN 9030:2011	Hội Vật liệu xây dựng VN	2016	2017			
109.		Gạch bê tông khí chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Soát xét TCVN 7959:2011	Hội Vật liệu xây dựng VN	2016	2017			
110.		Bản vẽ kỹ thuật – Nguyên tắc chung trình bày – Nét vẽ trong bản xây dựng	ISO 128-23:1999	Viện Kiến trúc Quốc gia	2016	2017			
111.		Bản vẽ kỹ thuật – Bảng kê	Soát xét TCVN 3824: 2016 ISO 7573:2008	Viện Kiến trúc Quốc gia	2016	2017			
112.		Hệ thống tài liệu thiết kế - Ký hiệu quy ước trên bản vẽ	Biên soạn	Viện Kiến trúc Quốc gia	2016	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
III. BỘ Y TẾ									
An toàn Thực phẩm									
113.		Nước ăn uống -Xác định hợp chất hữu cơ bay hơi bằng sắc ký khí khối phổ	Tham khảo EPA 524.2	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			
114.		Nước ăn uống -Xác định acrylamide	Tham khảo EPA 8032A	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			
115.		Nước ăn uống/Thực phẩm - Xác định Epiclohydrin	Tham khảo EPA 8260A	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			
116.		Nước ăn uống - Xác định hợp chất hữu cơ bằng chiết lỏng và sắc ký khí khối phổ	Tham khảo EPA 525.2	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			
117.		Định lượng ngô biến đổi gen dòng NK603 bằng kỹ thuật RT-PCR	JRC - IRMM	Viện KN ATVSTPQG	3/2017	12/2017			
118.		Định lượng ngô biến đổi gen dòng TC1507 bằng kỹ thuật RT-PCR	JRC - IRMM	Viện KN ATVSTPQG	3/2017	12/2017			
119.		Định lượng ngô biến	JRC - IRMM	Viện KN ATVSTPQG	3/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đôi gen dòng MON89034 bằng kỹ thuật RT-PCR							
120.		Định lượng ngô biến đổi gen dòng MON863 bằng kỹ thuật RT-PCR	JRC - IRMM	Viện KN ATVSTPQG	3/2017	12/2017			
121.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Campesterol, Stigmasterol, and β -Sitosterol. Phương pháp sắc ký khí	Tham khảo AOAC 2007.03	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
122.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Aristolochic Acid I. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao detector UV và xác nhận lại bằng sắc ký lỏng khối phổ LC/MS.	Tham khảo AOAC 2007.05	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
123.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng 10-hydroxy-2-decenoic acid bằng kỹ thuật sắc	AOAC 996.11	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)							
124.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Sibutramine bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
125.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Melatonin bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
126.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Vinpocetin bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
127.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng SAME (S-Adenosyl-L-Methionine) bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
128.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Pyruvic acid bằng kỹ thuật đo quang (UV-VIS)	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
129.		Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng trans-Resveratrol bằng	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)							
130.		Thực phẩm - Xác định hàm lượng Fructan (inulin/FOS)	Chấp nhận AOAC 999.03	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
131.		Thực phẩm - Xác định hoạt tính enzyme α -amylase (Ceralpha Units/g or ml).	Chấp nhận AOAC 2002.01	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
132.		Thực phẩm - Xác định hoạt tính enzyme papain	Chấp nhận AOAC 971.16:2010	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
133.		Thực phẩm - Xác định hoạt tính enzyme Pepsin	Chấp nhận AOAC 971.09	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
134.		Thực phẩm - Xác định hoạt tính enzyme Maltogenic amylase (Glucan 1,4-alpha-maltohydrolase)	Chấp nhận Phương pháp FAO	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
135.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình Thử nghiệm độc cấp tính đường da	Chấp nhận <i>The Organization for Economic Cooperation and Development (OECD) 402</i>	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
136.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình thử nghiệm khả năng	Chấp nhận OECD 405	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kích ứng, bào mòn mắt							
137.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình thử nghiệm dị ứng da	Chấp nhận OECD 406	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
138.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình thử nghiệm khả năng kích ứng/ bào mòn da	Chấp nhận OECD 404	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
139.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình thử nghiệm độc cấp tính hô hấp	Chấp nhận OECD 403	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
140.		Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật - Quy trình thử nghiệm độc cấp tính đường miệng	Chấp nhận OECD 423	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
141.		Thực phẩm - Phát hiện <i>Cyclospora</i> và <i>Cryptosporidium</i> trong thực phẩm	FDA method Chapter 19A	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
142.		Thực phẩm - Phát hiện Ký sinh trùng trong thực phẩm	FDA method Chapter 19	Viện KN ATVSTPQG	1/2017	12/2017			
143.		Thực phẩm - Xác định hàm lượng tanin. Phương pháp chuẩn độ	Tham khảo AOAC 955.35	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			
144.		Thực phẩm - Xác định hàm lượng chlorophyll tổng số. Phương pháp	Tham khảo AOAC 942.04	Viện KN ATVSTPQG	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		quang phổ							
145.		Sữa và sp sữa - Xác định dư lượng một số thuốc trừ giun sán nhóm Benzimidazole (albendazole, fenbendazole, mebendazole, oxfendazole, thiabendazole) – Phương pháp sắc ký lỏng khối phổ hai lần	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	2017	2018			
146.		Thịt và sản phẩm thịt - Xác định dư lượng một số kháng sinh nhóm Quinolone (enrofloxacin, ciprofloxacin, danofloxacin, sarafloxacin, difloxacin, norfloxacin, ofloxacin) – Phương pháp sắc ký lỏng khối phổ hai lần	Xây dựng mới	Viện KN ATVSTPQG	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Nguyên liệu hóa dược									
147.		Carvedilol	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2017	2018			
148.		Citicolin natri	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
149.		Clobetasol propionat	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
150.		Clomifen citrat	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
151.		Curcumin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
152.		Dindanosin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
153.		Emtricitabin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
154.		Lysin hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
155.		Mifepriston	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
156.		Montelukas natri	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
157.		Nimodipin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
158.		Ondansetron hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
159.		Oxytoxin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
160.		Sildenafil citrat	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
161.		Tadalafil	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
162.		Tenofovir disoproxil fumarat	Xây dựng mới	nt	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
163.		Tyrosin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
Thành phẩm hóa dược									
164.		Bột pha hỗn dịch attapulgit	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
165.		Nang emtricitabin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
166.		Thuốc tiêm citicolin natri	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
167.		Thuốc tiêm oxytoxin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
168.		Thuốc tiêm terbutalin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
169.		Viên nén bisoprolol	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
170.		Viên nén carvedilol	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
171.		Viên nén clomifen	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
172.		Viên nén mifepriston	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
173.		Viên nén montelukas	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
174.		Viên nén nhai dindanosin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
175.		Viên nén nimodipin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
176.		Viên nén sildenafil	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
177.		Viên nén tadalafil	Xây dựng mới	nt	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
178.		Viên nén tenofovir disoproxil fumarat	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
179.		Viên nén terbutalin	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
Dược liệu									
180.		Cỏ sữa lá nhỏ	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
181.		Cỏ sữa lá to	Xây dựng mới	nt	2017	2018			
Kiểm nghiệm mỹ phẩm									
182.		Đánh giá hiệu lực chất bảo quản trong mỹ phẩm	ISO 11930:2012	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
183.		Phương pháp kiểm nghiệm nấm men và nấm mốc trong mỹ phẩm	ISO 16212:2008	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
184.		Giới hạn vi sinh vật trong mỹ phẩm	ISO 17516:2014	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
185.		Xác định vi sinh vật gây bệnh trong mỹ phẩm	ISO 18415:2007	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
186.		Phát hiện <i>Candida albicans</i> trong mỹ phẩm	ISO 18416:2015	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
187.		Hướng dẫn kiểm tra vi sinh vật trong mỹ phẩm	ISO 21148:2005	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
188.		Phương pháp xác định vi khuẩn ưa nhiệt trong mỹ phẩm	ISO 21149:2006	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
189.		Phát hiện <i>Pseudomonas aeruginosa</i> trong mỹ phẩm	ISO 22717:2015	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
190.		Phát hiện <i>Staphylococcus aureus</i> trong mỹ phẩm	ISO 22718:2015	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
191.		Hướng dẫn đánh giá rủi ro và xác định vi sinh vật trong mỹ	ISO 29621:2010	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
192.		Định tính tretinoin (retinoic acid) trong mỹ phẩm bằng phương pháp TLC và HPLC	ACM 01 28/11/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
193.		Định tính chất màu cảm trong mỹ phẩm bằng phương pháp TLC và HPLC	ACM 02 28/11/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
194.		Định tính và định lượng hydroquinone trong mỹ phẩm bằng phương pháp TLC và HPLC	ACM 03 22/05/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
195.		Định tính và định lượng 2-phenoxyethanol, methyl, ethyl, propyl, and butyl 4-hydroxybenzoate trong mỹ phẩm bằng phương pháp TLC và	ACM 04 22/05/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		HPLC							
196.		Định lượng kim loại nặng (arsenic, cadmium, lead and mercury) trong mỹ phẩm	ACM 05 04/10/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
197.		Định tính steroids trong mỹ phẩm bằng phương pháp TCL và HPLC	ACM 07 28/11/13	Viện KN Thuốc Tp.HCM	2017	2017			
Trang thiết bị y tế									
198.		Thiết bị gây mê và hô hấp - ống khí quản và bộ phận nối	Chấp nhận ISO 5361:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
199.		Thiết bị gây mê và hô hấp - ống mở thông khí quản - Phần 1: ống và bộ phận nối để sử dụng ở người lớn	Chấp nhận ISO 5366-1:2000	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
200.		Thiết bị gây mê và hô hấp - ống mở thông khí quản - Phần 3: Ống mở khí quản nhi	Chấp nhận ISO 5366-3:2001	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
201.		Thiết bị gây mê và hô hấp – bộ thở và bộ phận nối	Chấp nhận ISO 5367:2014	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
202.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Kích thước của bộ phận nối áp suất thấp được vít-ren không thay đổi (NIST) cho khí y tế	Chấp nhận ISO 18082:2014	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
203.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Yêu cầu chung cho đường dẫn khí và thiết bị liên quan	Chấp nhận ISO 18190:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
204.		Bộ lọc hệ thống thở dùng trong gây mê và hô hấp - Phần 1: Phương pháp thử nghiệm muối để đánh giá hiệu suất lọc	Chấp nhận ISO 23328-1:2003	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
205.		Bộ lọc hệ thống thở dùng trong gây mê và hô hấp - Phần 2: Các dạng không lọc	Chấp nhận ISO 23328-2:2002	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
206.		Thiết bị gây mê và hô hấp – Dụng cụ đo lưu lượng thở ra cao nhất để đánh giá chức năng phổi ở người tự thở	Chấp nhận ISO 23747:2015	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
207.		Thiết bị gây mê và hô hấp – Phế dung kế dùng cho để đo dung tích thở ra bắt buộc ở người	Chấp nhận ISO 26782:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
208.		Nội soi - nội soi y tế và các thiết bị nội soi - Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với ống soi phế quản cứng	Chấp nhận ISO 8600-2:2015	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
209.		Quang học và dụng cụ quang học - nội soi y tế và các phụ kiện nội soi - Phần 3: Xác định khu vực nhìn và hướng nhìn của nội soi với ống kính	Chấp nhận ISO 8600-3:1997	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
210.		Nội soi - nội soi y tế và các thiết bị nội soi - Phần 4: Xác định chiều rộng tối đa của phần chèn	Chấp nhận ISO 8600-4:2014	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
211.		Quang học và quang tử - nội soi y tế và các thiết bị nội soi - Phần 5: Xác định độ phân giải quang học của ống nội soi cứng với thấu	Chấp nhận ISO 8600-5:2005	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kính							
212.		Quang học và quang tử học- nội soi y tế và các thiết bị nội soi - Phần 6: Từ vựng	Chấp nhận ISO 8600-6:2005	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
213.		Sản phẩm y tế có chứa các tế bào sống của con người- Áp dụng quản lý rủi ro và các yêu cầu về việc thực hiện quy trình	Chấp nhận ISO 13022:2012	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
214.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu kim loại - Phần 2: titan nguyên chất	Chấp nhận ISO 5832-2:1999	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
215.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu kim loại - Phần 3: Hợp kim rèn titan 6- Nhôm 4- vanadi	Chấp nhận ISO 5832-3:1996	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
216.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu kim loại - Phần 6: hợp kim rèn coban-niken-crôm-molybden	Chấp nhận ISO 5832-6:1997	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
217.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu kim loại - Phần 7: Hợp kim có thể rèn và tạo	Chấp nhận ISO 5832-7:1994	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hình nguội coban-crôm-niken-molypten sắt							
218.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu kim loại - Phần 8: Hợp kim rèn coban-niken-crom-molypten-vonfam sắt	Chấp nhận ISO 5832-8:1997	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
219.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Hệ thống đóng đinh nội tủy-Phần 1: Đóng đinh nội tủy lá chuồn hoặc mặt cắt ngang hình chữ V	Chấp nhận ISO 5837-1:1985	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
220.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật – Đinh kim xương và dây kim loại - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 5838-1:2013	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
221.		Vật cấy ghép tim mạch - Bộ phận giả van tim - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 5840-1:2015	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
222.		Vật cấy ghép tim mạch - Bộ phận giả van tim – Phần 2: Phẫu thuật cấy ghép thay thế van tim	Chấp nhận ISO 5840-2:2015	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
223.		Vật cấy ghép tim mạch - Bộ phận giả van tim-	Chấp nhận ISO 5840-3:2013	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Thay van tim được cấy bằng các kỹ thuật đường ống thông							
224.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật- Vít xương kim loại có ren không đối xứng và hình cầu dưới bề mặt - Các yêu cầu cơ khí và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 6475:1989	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
225.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật thần kinh - Ống dẫn não ứng thủy và các thành phần được vô trùng và sử dụng một lần	Chấp nhận ISO 7197:2006	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
226.		Vật cấy ghép tim mạch và các cơ quan nhân tạo – Thiết bị trao đổi khí máu (Thiết bị cấp oxy)	Chấp nhận ISO 7199:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
227.		Dụng cụ chỉnh hình – Hướng dẫn kết nối - Phần 1: Hướng dẫn sử dụng ốc vít với đầu cắm hình lục giác	Chấp nhận ISO 8319-1:1996	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
228.		Dụng cụ chỉnh hình – Hướng dẫn kết nối - Phần 2: Tuốc nơ vít với một đầu vắn, vắn	Chấp nhận ISO 8319-2:1986	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		với đầu chữ thập và vít chữ thập							
229.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chi - Phần 1: Phương pháp mô tả sự thiếu hụt chi bẩm sinh	Chấp nhận ISO 8548-1:1989	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
230.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chi – Phần 2: Phương pháp mô tả bộ phận còn lại chi dưới cắt cụt	Chấp nhận ISO 8548-2:1993	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
231.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chi- Phần 3: Phương pháp mô tả bộ phận còn lại chi trên cắt cụt	Chấp nhận ISO 8548-3:1993	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
232.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chi- Phần 4: Mô tả các điều kiện nguyên nhân dẫn đến cắt cụt	Chấp nhận ISO 8548-4:1998	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
233.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chi- Phần 5: Mô tả tình trạng lâm sàng của người đã có cắt cụt	Chấp nhận ISO 8548-5:2003	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
234.		Bộ phận giả và chỉnh hình –Từ vựng- Phần 1: Các thuật ngữ chung	Chấp nhận ISO 8549-1:1989	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cho các bộ phận giả chi bên ngoài và chỉnh hình bên ngoài							
235.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Từ vựng- Phần 2: Các thuật ngữ liên quan đến các bộ phận giả chi bên ngoài và những người mang bộ phận giả này	ISO 8549-2:1989	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
236.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Từ vựng – Phần 3: Các thuật ngữ liên quan đến chỉnh hình bên ngoài	Chấp nhận ISO 8549-3:1989	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
237.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Từ vựng – Phần 4: Các thuật ngữ liên quan đến cắt cụt chi	Chấp nhận ISO 8549-4:2014	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
238.		Bộ phận giả và chỉnh hình – Thiếu hụt chức năng - Mô tả của người được điều trị chỉnh hình, mục tiêu lâm sàng của điều trị và yêu cầu chức năng của chỉnh hình	Chấp nhận ISO 8551:2003	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
239.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật- Thiết bị định hình để sử dụng	Chấp nhận ISO 8615:1991	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trong các đầu của xương đùi ở người lớn							
240.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật- Hướng dẫn về chăm sóc và xử lý vật cấy ghép chỉnh hình	Chấp nhận ISO 8828:2014	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
241.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi các nhà sản xuất (dán nhãn) - Phần 1: Thuật ngữ, định nghĩa và yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 18113- 1:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
242.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất (dán nhãn) – Phần 2: Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm cho mục đích sử dụng chuyên môn	Chấp nhận ISO 18113- 2:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
243.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất (dán nhãn)- Phần 3: Dụng cụ chẩn đoán trong ống nghiệm cho mục đích sử dụng chuyên môn	Chấp nhận ISO 18113- 3:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
244.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất (dán nhãn) - Phần 4: Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm để tự kiểm tra	Chấp nhận ISO 18113-4:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
245.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất (dán nhãn) – Phần 5: Dụng cụ chẩn đoán trong ống nghiệm để tự kiểm tra	Chấp nhận ISO 18113-5:2009	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
246.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Đo lường số lượng trong các mẫu sinh học - Truy xuất nguồn gốc đo lường các giá trị đối với nồng độ xúc tác của enzym được định cho bộ định chuẩn và các vật liệu kiểm soát	Chấp nhận ISO 18153:2003	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
247.		Chẩn đoán invitro thiết bị y tế - Thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất với thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm cho sự nhuộm màu trong sinh học	Chấp nhận ISO 19001:2013	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
248.		Thử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và trong các hệ thống thử nghiệm chẩn đoán ống nghiệm -- Thử nghiệm tính nhạy của các tác nhân lây nhiễm và đánh giá hiệu quả của các thiết bị thử nghiệm độ cảm từ kháng sinh -- Phần 1: Phương pháp chuẩn để thử nghiệm các hoạt động trong ống nghiệm của các tác nhân kháng khuẩn chống lại các vi khuẩn hiếu khí phát triển nhanh chóng tham gia vào các bệnh truyền nhiễm.	Chấp nhận ISO 20776-1:2006	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
249.		Thử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và trong các hệ thống thử nghiệm chẩn đoán ống nghiệm -- Thử nghiệm tính nhạy cảm của các tác nhân lây nhiễm và đánh giá hiệu quả của các thiết bị thử nghiệm độ cảm từ kháng sinh -- Phần	Chấp nhận ISO 20776-2:2007	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		2: Đánh giá hiệu suất của các thiết bị thử nghiệm độ cảm từ kháng sinh							
250.		Sản xuất các sản phẩm chăm sóc sức khỏe tế bào gốc - Quản lý rủi ro của vi sinh vật trong quá trình chế biến	Chấp nhận ISO 18362:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
251.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe – Nhiệt khô – Yêu cầu cho sự phát triển, hiệu lực và kiểm soát thói quen tiệt khuẩn thiết bị y tế.	Chấp nhận ISO 20857:2010	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
252.		Thiết bị y tế -- Phần 1: Ứng dụng kỹ thuật sử dụng thiết bị y tế	Chấp nhận IEC 62366-1:2015	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
253.		Thiết bị y tế -- Phần 2: Hướng dẫn áp dụng khả năng sử dụng thiết bị y tế	Chấp nhận IEC/TR 62366-2:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
254.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 80369-1:2010	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
255.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần	Chấp nhận ISO 80369-3:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		3: Kết nối cho ứng dụng trong ruột							
256.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần 5: Kết nối cho ứng dụng kiểm soát chỉ	Chấp nhận IEC 80369-5:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			
257.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần 6: Kết nối cho ứng dụng não tủy	Chấp nhận ISO 80369-6:2016	Viện TTB&CTYT	2017	2018			

IV. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

258.		Tiêu chuẩn bảo trì đường sắt đô thị - Phần 1	Kết quả nghiên cứu của Đoàn công tác JICA thuộc Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản hợp phần bảo trì đường sắt đô thị	Cục Đường sắt Việt Nam	2017	2018			
259.		Tiêu chuẩn vận hành đường sắt đô thị - Phần 1	Kết quả nghiên cứu của Đoàn công tác JICA thuộc Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản hợp phần vận hành	nt	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			đường sắt đô thị						
260.		Tiêu chuẩn về hệ thống điều khiển chạy tàu bằng thông tin liên lạc vô tuyến (CBTC) – Các yêu cầu về tính năng và hoạt động	1474.1 IEEE-2004 Standard for Communications – Based Train Control (CBTC) Performance and Functional Requirments”	nt	2017	2018			
261.		Các ứng dụng trong đường sắt – Hệ thống cung cấp điện sức kéo	50163-1:2004 Railway application of traction systems	nt	2017	2018			
262.		Phương tiện giao thông đường sắt -Thiết bị điện tử dùng trên phương tiện giao thông đường sắt	EN 50155:2007	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
263.		Phương tiện giao thông đường sắt - Khả năng tương thích điện từ trường	EN 50121:2015	nt	2017	2018			
264.		Tiêu chuẩn quốc gia Cơ sở bảo hành bảo dưỡng đối với phương tiện cơ giới đường bộ	- Thông tư số 19/2012/TT-BGTVT ngày 06/06/2012 của Bộ GTVT - Một số tài liệu về bảo hành, bảo dưỡng của nước	nt	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			ngoài						
265.		Công trình cảng biển: Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 1: Nguyên tắc chung	Căn cứ OCDI 2002&2009; BS 6349	Viện KHCN Giao thông vận tải	2017	2018			
266.		Công trình cảng biển: Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 2: Tải trọng và tác động	Căn cứ OCDI 2002&2009; BS 6349	nt	2017	2018			
267.		Công trình cảng biển: Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu (cầu tàu và đê chắn sóng)	Căn cứ; SCOPE2013(Standard specifications for port and harbor work)	nt	2017	2018			
268.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Đinh đường phản quang	EN 1463-1:2009; EN 1463-2-2000	nt	2017	2018			
269.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Biển chỉ dẫn và tấm phản quang	EN 12899-3-2007	nt	2017	2018			
270.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Rào chắn	EN 1317-5 - 2007+A1 2008; EN 1317-2 - 1998 + A1 - 2006	nt	2017	2018			
271.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Thiết bị đèn an toàn và cảnh	EN 12352-2000	nt	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		báo							
272.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Nan chống chói	EN 12676-1-2000; EN 12676-2-2000	nt	2017	2018			
273.		Trang thiết bị an toàn giao thông – Trụ phân cách làn	EN 13422-2004+A1	nt	2017	2018			
274.		Cọc vít có cánh đơn ở mũi – Yêu cầu thi công và nghiệm thu	JRA 2007	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	2017	2018			
275.		Tiêu chuẩn kiểm định bến cảng	Xây dựng mới	Cục Hàng hải VN	2017	2018			
276.		Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	Soát xét TCVN 5664:2009	Cục Đường thủy nội địa	2017	2018			
277.		Tiêu chuẩn phương tiện Giao thông đường sắt – Động cơ Diesel – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp đo độ phát thải	Xây dựng trên cơ sở đề tài nghiên cứu khoa học	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
278.		Tiêu chuẩn Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Cơ cấu neo giữ đai an toàn của ô tô – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	Căn cứ xây dựng ECE R14	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
279.		Tiêu chuẩn Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Ghế, cơ cấu lắp đặt ghế và đệm	Căn cứ xây dựng ECE R17	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tựa đầu trên ô tô con – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử							
280.		Tiêu chuẩn Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Đệm tựa đầu sử dụng trên ô tô - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	Căn cứ xây dựng ECE R25	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
281.		Công trình biển cố định	Sửa đổi bổ sung TCVN 6170-1:1996; TCVN 6170-2:1998; TCVN 6170-3:1998; TCVN 6170-4:1998	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
282.		Tiêu chuẩn thiết bị cảnh báo người lái tàu	UIC 644, UIC 641	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2017	2018			
283.		Tiêu chuẩn về nước thải sinh hoạt trên tàu khách	Thông tư số 56/2013/TT-BGTVT ngày 27/12/2013 quy định về việc kiểm tra thiết bị vệ sinh tự hoại trên toa xe khách – Căn cứ Tiêu chuẩn Trung Quốc và Tiêu chuẩn Việt Nam	Cục Đường sắt Việt Nam	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			về nước thải.						
284.		Tiêu chuẩn về không khí trong toa xe	Tiêu chuẩn Trung Quốc về chất lượng không khí toa xe – Chưa xác định tên tiêu chuẩn	Cục Đường sắt Việt Nam	2017	2018			
285.		Tiêu chuẩn đường sắt - Bố trí lắp đặt - an toàn điện, mạch tiếp đất và mạch hồi lưu - Phần 1: Quy định bảo vệ chống giật	Căn cứ theo Tiêu chuẩn của Châu Âu – Chưa xác định cụ thể tên Tiêu chuẩn	Cục Đường sắt Việt Nam	2017	2018			
286.		Tiêu chuẩn đường sắt - Bố trí lắp đặt - an toàn điện, mạch tiếp đất và mạch hồi lưu - Phần 2: Chống ảnh hưởng của các dòng điện rò gây ra bởi hệ thống sức kéo một chiều	Căn cứ theo Tiêu chuẩn của Châu Âu – Chưa xác định cụ thể tên Tiêu chuẩn	Cục Đường sắt Việt Nam	2017	2018			
287.		Bê tông nhựa - Phương pháp thử nghiệm xác định độ bền mỏi theo phương pháp uốn dầm.	ASTM D7460 – 10, Standard Test Method for Determining Fatigue Failure of Compacted Asphalt Concrete Subjected to Repeated Flexural	Viện KHCN GTVT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Bending; BSI (2007), BS EN 12697-24 (2007), Bituminous mixtures. Test Methods for Hot Mix Asphalt. Resistance to Fatigue.						
288.		Công trình cảng biển - Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 3: Yêu cầu kỹ thuật về vật liệu	Căn cứ OCDI 2002&2009	Viện KHCN GTVT	2017	2018			
289.		Công trình cảng biển - Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 4-1: Nền móng	Căn cứ OCDI 2002&2009	Viện KHCN GTVT	2017	2018			
290.		Công trình cảng biển - Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 4-2: Các giải pháp cải tạo đất	Căn cứ OCDI 2002&2009	Viện KHCN GTVT	2017	2018			
291.		Công trình cảng biển - Tiêu chuẩn thiết kế - Phần 5: Công trình bên	Căn cứ OCDI 2002&2009; BS 6349	Viện KHCN GTVT	2017	2018			
292.		Tiêu chuẩn Sơn phủ bảo vệ kết cấu bê tông – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	JIS 5658:1992	Đại học GTVT	2017	2018			
293.		Bê tông nhựa - phương pháp chế bị mẫu thử và xác định khối lượng	ASTM D6925-15, AASHTO T312-15	Đại học GTVT	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thể tích của mẫu thử sử dụng thiết bị đầm xoay Superpave.							
294.		Bê tông nhựa - Phương pháp thử - xác định hàm lượng nhựa đường bằng phương pháp nung trong lò	ASTM D6307, AASHTO T308-10, Gost 12801-84	Đại học GTVT	2017	2018			
295.		Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Superpave – Yêu cầu kỹ thuật	AASHTO M 323-13	Đại học GTVT	2017	2018			
296.		Phương pháp xác định độ nhớt của chất kết dính nhựa đường bằng nhớt kế quay.	AASHTO T 316-13	Đại học GTVT	2017	2018			
<u>V. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</u>									
297.		Bản ghế học sinh phổ thông	Soát xét TCVN 7490:2005	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	2017	2018			
<u>VI. BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ</u>									
Công nghệ thông tin									
298.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn –	ISO/IEC 18033-5:2015	Cục QL Mật mã dân sự và kiểm định sản phẩm	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Thuật toán mã hóa – Phần 5: Mật mã dựa trên định danh		mật mã					
299.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Yêu cầu kiểm thử cho mô-đun mật mã	ISO/IEC 24759:2014	Cục QL Mật mã dân sự và kiểm định sản phẩm mật mã	2017	2017			
300.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Phương pháp kiểm thử giảm thiểu các lớp tấn công không xâm lấn đối với mô-đun mật mã	ISO/IEC 17825:2016	nt	2017	2017			
301.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chế độ hoạt động cho mã khối n-bit	ISO/IEC 10116:2006	nt	2017	2017			
302.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 1: Tổng quan	ISO/IEC 14888-1:2008	nt	2017	2017			
303.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn –	ISO/IEC 14888-2:2008	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 2: Cơ chế dựa trên việc phân tích số nguyên							
304.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chữ ký số kèm phụ lục – Phần 3: Cơ chế dựa trên bài toán Logarit rời rạc	ISO/IEC 14888-3:2016	nt	2017	2017			
<u>VII. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</u>									
Di sản Văn hóa									
305.		Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - thi công, nghiệm thu phần nề ngõa	Xây dựng mới	Viện Bảo tồn Di tích	2017	2018			
Thể dục, thể thao									
306.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Thiết bị tập luyện có động cơ quay, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận ISO 20957-5:2005	Trung tâm HLTT quốc gia TP Hồ Chí Minh	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
307.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Thiết bị chạy bộ, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận ISO 20957-6:2005	Trung tâm HLTT quốc gia TP Hồ Chí Minh	2017	2018			
308.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Thiết bị kéo quay, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận ISO 20957-7:2005	Trung tâm HLTT quốc gia TP Hồ Chí Minh	2017	2018			
309.		Thiết bị bể bơi - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử đối với thang, bậc thang và tay vịn của thang	Xây trên cơ sở chấp nhận EN 13451-2:2015	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	2017	2018			
310.		Thiết bị bể bơi - Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử đối với cửa hút, xả nước và các chất xử lý nước hoặc không khí	xây trên cơ sở chấp nhận EN 13451-3:2015	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	2017	2018			
Du lịch									
311.		Tiêu chuẩn nhà nghỉ du lịch	Soát xét TCVN 7799:2009	Vụ Khách sạn Tổng cục Du lịch	2017	2017			
312.		Du lịch mạo hiểm - Nhà điều hành - Năng lực cá nhân	Xây dựng mới	Viện nghiên cứu phát triển du lịch Tổng cục Du lịch	2017	2018			
313.		Du lịch mạo hiểm - Hệ thống quản lý an toàn -	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận	Viện nghiên cứu phát triển du lịch	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Yêu cầu	ISO 21101:2014	Tổng cục Du lịch					
314.		Du lịch mạo hiểm - Thông tin cho người tham gia	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận ISO 21103:2014	Viện nghiên cứu phát triển du lịch Tổng cục Du lịch	2017	2018			
<u>VIII. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</u>									
Thủy lợi									
315.		Công trình thủy lợi - Cấp hạn hán đối với nguồn nước tưới và cây trồng được tưới	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8643:2011	Tổng cục Thủy lợi	2017	2018			
316.		Công trình thủy lợi - Quy trình vận hành Hệ thống công trình thủy lợi	Sửa đổi, bổ sung TCVN 8412:2010	Tổng cục Thủy lợi	2017	2018			
317.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thiết kế, thi công và nghiệm thu công lắp ghép	Xây dựng mới từ kết quả NCKH	Viện KHTL Miền Nam - Viện KHTL Việt Nam	2017	2018			
318.		Thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi	Chuyển đổi từ QCVN 04-01: 2010/BNNPTNT	Tổng công ty TVXD Thủy lợi Việt Nam - CTCP	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
319.		Thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy lợi	Chuyển đổi từ QCVN 04-02: 2010/BNNPTNT	Tổng công ty TVXD Thủy lợi Việt Nam - CTCP	2017	2018			
320.		Công trình thủy lợi - Khoan nổ mìn đào đá - Yêu cầu kỹ thuật	Chuyển đổi từ QCVN 04-04: 2010/BNNPTNT	Tổng công ty TVXD Thủy lợi Việt Nam - CTCP	2017	2018			
Chăn nuôi									
321.		Mật ong – Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1-Mật ong từ nguồn hoa đơn buốt	Soát xét TCVN 5267:1990 và TCVN 5267:2008	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
322.		Gà giống nội. Phần 5. Gà H'Mông	Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
323.		Gà giống nội. Phần 6. Gà Chọi (gà Đá, gà Nòi)	Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
324.		Gà giống nội. Phần 7. Gà Ác	Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
325.		Quy trình khảo nghiệm,	Chuyển đổi từ QCVN 01-	Cục Chăn nuôi	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kiểm định bò giống hướng sữa	43:2011/BNNPT NT						
326.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định bò giống hướng thịt	Chuyển đổi từ QCVN 01-44:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
327.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định Vịt giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-45:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
328.		Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định Gà giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-46:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
329.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định cừu giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-71:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
330.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định dê giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-72:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
331.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định ngan giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-73:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
332.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định tầm giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-74:2011/BNNPT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			NT						
333.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định thỏ giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-75:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
334.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định trâu giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-76:2011/BNNPT NT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
335.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định ong mật giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-101:2012/BNNP TNT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
336.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định Đà diều giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-102:2012/BNNP TNT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
337.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định lợn giống	Chuyển đổi từ QCVN 01-148:2013/BNNP TNT	Cục Chăn nuôi	2017	2018			
338.		Quy trình khảo nghiệm kiểm định môi trường pha loãng và bảo tồn tinh dịch lợn	Xây dựng mới (chuyển nhiệm vụ xây dựng QCVN tại Quyết định số 471/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/3/2014)	Cục Chăn nuôi	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thú y									
339.		Mật ong – xác định dư lượng kháng sinh nhóm fluoroquinolones (enrofloxacin, flumequin, norfloxacin, ciprofloxacin) bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hai lần khối phổ LC-MS/MS	JR Laboratoies Inc M-H195	Cục Thú y	2017	2018			
340.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin nhược độc phòng bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gà (Infectious Laryngotracheitis vaccine, live).	OIE, Asean	Cục Thú y	2017	2018			
341.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin nhược độc phòng bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm ở gà (Infectious Bronchitis vaccine, live).	OIE, Asean	Cục Thú y	2017	2018			
342.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Newcastle chủng Hệ 1.	Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCN 180-93; Asean	Cục Thú y	2017	2018			
343.		Quy trình kiểm nghiệm	Tài liệu làm	Cục Thú y	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Newcastle chủng LaSota.	chính làm căn cứ xây dựng TCVN: 10TCN 181-93; Asean						
344.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Newcastle chủng F.	Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCVN: 10TCN 182-93; Asean	Cục Thú y	2017	2018			
345.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Đậu gà.	Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCVN: 10TCN 180-93;	Cục Thú y	2017	2018			
346.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng gia cầm	Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCVN: TCN 197- 94; Asean, OIE	Cục Thú y	2017	2018			
347.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Salmonella enteritidis ở gà	Xây dựng mới Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCVN: OIE, Asean...	Cục Thú y	2017	2018			
348.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Salmonella typhimurium ở gà	Xây dựng mới: Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng TCVN: OIE, Asean.	Cục Thú y	2017	2018			
349.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Giã đại ở	Xây dựng mới Tài liệu làm chính làm căn cứ	Cục Thú y	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lợn (AUJESZKY'S DISEASE VACCINE).	xây dựng TCVN: OIE, Asean...						
350.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán bệnh Gạo lợn, Gạo bò (Animal Disease - Procedure for diagnosis of beef and pork tapeworm)	OIE	Cục Thú y	2017	2018			
351.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán bệnh Toxoplasmosis ở động vật (Animal Disease - Procedure for diagnosis of Toxoplasmosis in animal)	OIE	Cục Thú y	2017	2018			
352.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán bệnh đầu đen ở gà (Animal Disease – Procedure for diagnosis of Histomoniasis (blackhead) in chicken)	Aly M.Fadly, 2008, Disease of poultry.Venugopal Nair, Richard C. Jones, R.E. Gough, 2008, Poultry disease	Cục Thú y					
Trồng trọt									
353.		Phân bón vi sinh vật – PP lấy mẫu và xử lý mẫu cho phân tích vi sinh vật hiếu khí	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
354.		Vi sinh vật nông nghiệp – PP xác định hoạt độ xenluloza dựa vào lượng đường khử được tạo thành	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2017	2018			
355.		Chất lượng đất – Phương pháp xác định tổng số muối tan	Xây dựng mới	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2017	2018			
356.		Chất lượng đất – Phương pháp xác định Clo hòa tan.	Xây dựng mới	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2017	2018			
357.		Phân bón - Xác định Molipden và sắt tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Soát xét TCVN 9283:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
358.		Phân bón - Xác định Canxi tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Soát xét TCVN 9284:2014	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
359.		Phân bón - Xác định Magie tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Soát xét TCVN 9285:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
360.		Phân bón - Xác định Đồng tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Soát xét TCVN 9286:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
361.		Phân bón - Xác định Coban tổng số bằng phương pháp phổ	Soát xét TCVN 9287:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hấp thụ nguyên tử ngọn lửa							
362.		Phân bón - Xác định Chỉ tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử và nhiệt điện (không ngọn lửa)	Soát xét TCVN 9290:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
363.		Phân bón - Xác định Cadimi tổng số bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử và nhiệt điện (không ngọn lửa)	Soát xét TCVN 9291:2012	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2017	2018			
Bảo vệ thực vật									
364.		Quy trình giám định nấm <i>Boeremia foveata</i> (Foister) Aveskamp, Gruyter & Verkley là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			
365.		Quy trình giám định tuyến trùng <i>Ditylenchus angustus</i> (Butler) Filipjev là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			
366.		Quy trình giám định nấm <i>Phytophthora boehmeriae</i> Sawada là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
367.		Quy trình giám định virus <i>Plum pox virus</i> là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			
368.		Quy trình giám định vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> Wells et al. là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			
369.		Quy trình giám định 02 loài tơ hồng <i>Cuscuta australis</i> R.Br. và <i>Cuscuta chinensis</i> Lam. là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật – Cục BVTV	2017	2018			
370.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Glyphosate – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc – Cục BVTV	2017	2018			
371.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất chlorpyrifos E – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc – Cục BVTV	2017	2018			
372.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất chlorfenapyr – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc – Cục	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				BVTV					
373.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Clorantraniliprole – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Nam – Cục BVTV	2017	2018			
374.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Lambda Cyhalothrin – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Nam – Cục BVTV	2017	2018			
375.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bọ hung hại cây mía của các thuốc trừ sâu	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
376.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh nấm hồng hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
377.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ nhện đỏ hại cây họ đậu của các thuốc trừ sâu	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
378.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh phấn trắng hại cây cà chua	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		của các thuốc trừ bệnh							
379.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh phấn trắng hại cây có múi của các thuốc trừ bệnh	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
380.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh phòng lá hại cây chè của các thuốc trừ bệnh	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
381.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh hại chính trên cây dâu tây của các thuốc trừ bệnh	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
382.		Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh hại chính trên cây khoai tây của các thuốc trừ bệnh	Xây dựng mới	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc phía Bắc	2017	2018			
Thủy sản									
383.		Thức ăn hỗn hợp nuôi cá lóc (<i>Channa micropeltes</i>) - Yêu cầu kỹ thuật.	Xây dựng mới	Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản	2017	2018			
384.		Thức ăn hỗn hợp nuôi cá kèo (<i>Pseudapocryptes</i>)	Xây dựng mới	Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>elongatus</i>) - Yêu cầu kỹ thuật.							
Lâm nghiệp									
385.		Thuật ngữ và định nghĩa trong sản xuất chè	Xây dựng mới	Hội Khoa học chè, Cục Trồng trọt	2017	2018			
386.		Cây công nghiệp lâu năm – Tiêu chuẩn cây giống – Phần 1 – Cà phê, cao su, chè	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2017	2018			
387.		Cây công nghiệp – Tiêu chuẩn cây đầu dòng	Xây dựng mới	Viện KHKT NLN Tây Nguyên	2017	2018			
388.		Hạt giống cà phê – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện KHKT NLN Tây Nguyên	2017	2018			
389.		Bảo quản gỗ - Thuật ngữ và định nghĩa	Xây dựng mới Tham khảo có bổ sung các thuật ngữ quốc tế	Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	2017	2018			
390.		Đồ gỗ nội thất Phần 1: Phân loại đồ gỗ nội thất xuất khẩu Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chung Phần 3: An toàn đồ gỗ xuất khẩu	Tham khảo tiêu chuẩn ISO 10131-1:1997 TP/TC 025/2012 GOST 13025.4-85	Trường Đại học Lâm nghiệp	2017	2018			
391.		Ván dán - Độ bền tự nhiên – Hướng dẫn lựa chọn ván dán dùng trong các môi trường	Tham khảo tiêu chuẩn CEN/TS 1099:2007	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sử dụng							
392.		Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng. Phần 2: Nhóm loài lâm sản ngoài gỗ. Phần 3: Nhóm loài cây ngập mặn.	Đề tài cấp Bộ và cấp NN về cây lâm sản ngoài gỗ và cây ngập mặn	Tổng cục Lâm nghiệp	2017	2018			
393.		Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm DUS (tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định) - Phương pháp thử. Phần 1: Nhóm các loài keo lai. Phần 2: Nhóm các loài bạch đàn lai. Phần 3: Nhóm các loài tràm lai.	Tham khảo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, kết hợp khảo nghiệm tại hiện trường	Tổng cục Lâm nghiệp	2017	2018			
394.		Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài Thông – Yêu cầu kỹ thuật Phần 3: Thông nhựa. Phần 4: Thông 3 lá.	Kết quả của các đề tài KHCN cấp Bộ	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2017	2018			
395.		Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài bản địa gỗ lớn – Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả của các đề tài KHCN cấp Bộ	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 1: Xoan ta. Phần 2: Mỡ. Phần 3: Vôi thuốc. Phần 4: Sao đen.							
396.		Rừng trồng – Nhóm các loài Keo – Yêu cầu lập địa trồng rừng. Phần 3: Keo lá tràm. Phần 4: Keo chịu hạn.	Kết quả của các đề tài KHCN .	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2017	2018			
397.		Công trình phòng, chống cháy rừng - Đường băng cản lửa – Yêu cầu kỹ thuật Phần 1: Đường băng trắng. Phần 2: Đường băng xanh.	Các đề tài cấp Nhà nước, kết hợp khảo sát hiện trường.	Trường ĐH Lâm nghiệp	2017	2018			
Cơ điện NN&CNSTH									
398.		Máy gặt lúa rải hàng – Yêu cầu chất lượng làm việc	Xây dựng mới	Cục Chế biến NLTS&NM	2017	2018			
Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và muối									
399.		Chè Ôlong- Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Cục Chế biến NLTS&NM	2017	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<u>IX. BỘ CÔNG AN</u>									
400.		Công từ dò kim loại theo vùng	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
401.		Thiết bị soi chiếu X-Ray kiểm tra an ninh có băng tải	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
402.		Bình chữa cháy mini – Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
403.		Xem chữa cháy cơ bản -Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
404.		Lăng phun bọt chữa cháy cầm tay - Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
405.		Chất chữa cháy – Bột chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
406.		Lăng phun nước chữa cháy cầm tay - Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
407.		Chuông báo cháy -	Xây dựng mới	Ban Soạn thảo do	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	trên cơ sở khảo nghiệm	Bộ Công an thành lập					
408.		Đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố - Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			
409.		Mặt nạ phòng độc cách ly – Mặt nạ trùm toàn bộ khuôn mặt - Yêu cầu kỹ thuật, Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở khảo nghiệm	Ban Soạn thảo do Bộ Công an thành lập	2017	2017			

X. BỘ CÔNG THƯƠNG

410.		Phương pháp đánh giá cảm quan thuốc lá nguyên liệu vàng sậy	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Thuốc lá	1/2017	12/2017			
411.		Phương pháp đánh giá cảm quan thuốc lá nguyên liệu Burley	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Thuốc lá	1/2017	12/2017			
412.		Phương pháp đánh giá cảm quan thuốc lá nguyên liệu Oriental	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Thuốc lá	1/2017	12/2017			
413.		Khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) - Tính chất đặc trưng và các yêu cầu về an toàn, vật liệu sử	Nghiên cứu xây dựng mới	Tổng Công ty Khí Việt Nam/ Viện Dầu khí Việt Nam	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		dùng trong xây dựng công trình							
414.		Phương pháp đo đếm LNG trong giao nhận từ tàu vận tải	Nghiên cứu xây dựng mới	Tổng Công ty Khí Việt Nam/ Viện Dầu khí Việt Nam	1/2017	12/2017			
415.		Bồn chuyên dùng dùng cho vận chuyển LNG bằng phương tiện giao thông đường bộ - Thiết kế và chế tạo thiết bị.	Nghiên cứu xây dựng mới	Tổng Công ty Khí Việt Nam/ Viện Dầu khí Việt Nam	1/2017	12/2017			
416.		Giấy làm nền sản xuất giấy nhôm - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Công nghệ Giấy và Xenlulo	1/2017	12/2017			
417.		Giấy - Giấy ép và cactong ép cách điện - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Công nghệ Giấy và Xenlulo	1/2017	12/2017			
418.		Sáp phức hợp dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương dạng thoi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim	1/2017	12/2017			
419.		Thiết kế hồ thải quặng đuôi - Yêu cầu thiết kế	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Nghiên cứu ứng dụng vật liệu	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
420.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng ilmenit	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
421.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng zircon	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
422.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng đồng	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
423.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng chì	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
424.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng kẽm	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
425.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng thiếc	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
426.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng boxit cho sản xuất nhôm	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
427.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng apatit cho sản xuất DAP	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			
428.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng apatit cho sản xuất	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim	1/2017	12/2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phân lân nung chảy							
429.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng sắt manhetit cho luyện gang lò cao	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mô-Luyện kim	1/2017	12/2017			
430.		Yêu cầu chất lượng đối với tinh quặng sắt limonit cho luyện gang lò cao	Nghiên cứu xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mô-Luyện kim	1/2017	12/2017			

XI. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

DỤNG CỤ CẦM TAY

431.		Đồ gá hình trụ cho dao phay – Phần 1: Đặc trưng kích thước của đồ gá trụ phẳng	Chấp nhận ISO 3338-1:1996	Viện TCCL Việt Nam	2017	2017			
432.		Đồ gá hình trụ cho dao phay – Phần 2: Đặc trưng kích thước của đồ gá trụ dẹt	Chấp nhận ISO 3338-2:2013	nt	2017	2017			
433.		Đồ gá hình trụ cho dao phay – Phần 3: Đặc trưng kích thước của đồ gá ren	Chấp nhận ISO 3338-3:1996	nt	2017	2017			
434.		Ống lót thu nhỏ với đầu mõng và đầu côn trong và ngoài 7/24	Chấp nhận ISO 3936:1993	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
435.		Trục gá dao với đầu mộng – Phần 1: Kích thước của côn Morse	Chấp nhận ISO 3937-1:2008	nt	2017	2017			
436.		Trục gá dao với đồng mộng – Phần 2: Kích thước của côn 7/24	Chấp nhận ISO 3937-2:2008	nt	2017	2017			
437.		Trục gá với đầu mộng – Phần 3: Kích thước của côn rãnh tiếp xúc với mặt bích	Chấp nhận ISO 3937-3:2008	nt	2017	2017			
438.		Dụng cụ cắt – Truyền động chủ động với côn Morse	Chấp nhận ISO 5413:1993	nt	2017	2017			
439.		Đồ gá (kẹp dao phay) với bu lông siết cho đồ gá trụ dẹt – Phần 1: Kích thước của hệ thống truyền động cho đồ gá	Chấp nhận ISO 5414-1:2002	nt	2017	2017			
440.		Đồ gá (kẹp dao phay) với bu lông siết cho đồ gá trụ dẹt – Phần 2: Kích thước ghép nối cho đồ gá và thiết kế	Chấp nhận ISO 5414-2:2002	nt	2017	2017			
441.		Ống lót thu nhỏ với mặt ngoài 7/24 và mặt côn Morse trong và bu	Chấp nhận ISO 5415:2007	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lông lắp nổi							
442.		Đồ gá côn 7/24 cho thay dao tự động – Phần 1: Kích thước và thiết kế của gá dao cho dạng A, AD, T, UD và UF	Chấp nhận ISO 7388-1:2007	nt	2017	2017			
443.		Đồ gá côn 7/24 cho thay dao tự động – Phần 2: Kích thước và thiết kế cho đồ gá dao dạng J, JD và JF	Chấp nhận ISO 7388-2:2007	nt	2017	2017			
444.		Đồ gá côn 7/24 cho thay dao tự động – Phần 3: Đầu giữ dao dạng AD, A, UD, UF, JD và JF	Chấp nhận ISO 7388-3:2016	nt	2017	2017			
Ổ LĂN Ổ ĐỖ									
445.		Ổ lăn - Ổ trục hướng tâm với vòng bám - Kích thước, quy định thông số hình học sản phẩm và giá trị dung sai	Chấp nhận ISO 464:2015	nt	2017	2017			
446.		Ổ lăn - Vòng trong - Phần 1: Vòng trong hướng kính cho ổ trục	Chấp nhận ISO 5753-1:2009	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hướng kính							
447.		Ổ lăn – Vòng trong – Phần 2: Vòng trong hướng trục cho vòng bi bốn điểm tiếp xúc	Chấp nhận ISO 5753-2:2010	nt	2017	2017			
448.		Ổ lăn – Phương pháp đo rung động – Phần 1:Cơ sở	Chấp nhận ISO 15242-1:2015	nt	2017	2017			
449.		Ổ lăn – Phương pháp đo rung động – Phần 2: Ổ bi hướng kính với vòng ngoài và bề mặt tròn	Chấp nhận ISO 15242-2:2015	nt	2017	2017			
450.		Ổ lăn – Phương pháp đo rung động – Phần 3: Vòng cầu hướng kính và rãnh lăn côn với vòng ngoài và mặt ngoài tròn	Chấp nhận ISO 15242-3:2006 Cor 1:2010	nt	2017	2017			
451.		Ổ lăn – Phương pháp đo rung động – Phần 4: Rãnh lăn tròn hướng kính với vòng ngoài và mặt ngoài tròn	Chấp nhận ISO 15242-4:2007	nt	2017	2017			
452.		Ổ lăn - Ổ trục hướng kính – Kích thước mặt ngoài, thiết kế chung	Chấp nhận ISO 15:2011	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
453.		Ổ lăn - Ổ chặn – Kích thước mặt ngoài, thiết kế chung	Chấp nhận ISO 104:2015	nt	2017	2017			
454.		Ổ lăn – Ổ đỡ trục – Kích thước mặt ngoài,	Chấp nhận ISO 113:2010	nt	2017	2017			
455.		Ổ lăn – Phụ kiện – Phần 1: Kích thước cho ống lót gấp ghep và ống lót rút	Chấp nhận ISO 2982-1:2013	nt	2017	2017			
456.		Ổ lăn – Phụ kiện – Phần 2: Kích thước cho rãnh khóa và thiết bị khóa	Chấp nhận ISO 2982-2:2013	nt	2017	2017			
MÁY NÉN KHÍ									
457.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 1: Dụng cụ lắp ráp cho chi tiết lắp xiết cơ khí không ren	Chấp nhận ISO 11148-1:2011	-Viện TCCL Việt Nam - TCVN/TC 118 <i>Máy nén khí</i>	2017	2017			
458.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 2: Dụng cụ cắt rời và gấp mép	Chấp nhận ISO 11148-2:2011	nt	2017	2017			
459.		Dụng cụ cầm tay	Chấp nhận ISO 11148-	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 3: Khoan và đập	3:2012						
460.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 4: Dụng cụ va đập không xoay	Chấp nhận ISO 11148-4:2012	nt	2017	2017			
461.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 5: Khoan và đập dạng xoay	Chấp nhận ISO 11148-5:2011	nt	2017	2017			
462.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 6: Dụng cụ lắp ghép cho chi tiết lắp xiết có ren	Chấp nhận ISO 11148-6:2012	nt	2017	2017			
463.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 7: Máy nghiền	Chấp nhận ISO 11148-7:2012	nt	2017	2017			
464.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 8: Máy mài và đánh bóng	Chấp nhận ISO 11148-8:2011		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
465.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 9: Máy dập	Chấp nhận ISO 11148-9:2011		2017	2017			
466.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 10: Máy khí nén	Chấp nhận ISO 11148-10:2011		2017	2017			
467.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 11: Kim và cắt	Chấp nhận ISO 11148-11:2011		2017	2017			
468.		Dụng cụ cầm tay không chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 12: Cưa quay tròn, dao động và tịnh tiến	Chấp nhận ISO 11148-12:2012		2017	2017			
NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM									
469.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Kiểm tra tính liên tục của lớp nhôm anot hóa mỏng - Thử đồng sunfat	Chấp nhận ISO 2085:2010	TCVN/TC 79 <i>Kim loại màu và hợp kim của chúng</i>	2017	2017			
470.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Xác định khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích (mật	Chấp nhận ISO 2106:2011		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		độ bề mặt của lớp nhôm anot hóa - Phương pháp trọng lượng							
471.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Xác định chiều dày của lớp nhôm anot hóa - Đo không phá hủy bằng kính hiển vi tách trùn	Chấp nhận ISO 2128:2010		2017	2017			
472.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Thử nhanh độ bền màu của lớp nhôm anot hóa sử dụng ánh sáng nhân tạo	Chấp nhận ISO 2135:2010		2017	2017			
473.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Đánh giá hao hụt khả năng hấp thụ của lớp nhôm anot hóa sau phủ kín - Thử vết nhuộm trước xử lý axit	Chấp nhận ISO 2143:2010		2017	2017			
474.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Xác định điện thế đánh thủng	Chấp nhận ISO 2376:2010		2017	2017			
475.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Đánh giá	Chấp nhận ISO 2931:2010		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất lượng phủ kín của lớp nhôm anot hóa bằng đo dẫn nạp							
476.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Đánh giá chất lượng phủ kín của lớp nhôm anot hóa bằng cách đo độ thất thoát khối lượng sau khi ngâm trong dung dịch axit photphoric/cromic	Chấp nhận ISO 3210:2010		2017	2017			
477.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Đánh giá sức chống chịu nứt của lớp phủ nhôm anot hóa bằng biến dạng	Chấp nhận ISO 3211:2010		2017	2017			
478.		Anot hóa nhôm và hợp kim nhôm - Xác định độ bền màu tương đối trước tia cực tím và nhiệt của lớp phủ oxi hóa anot	Chấp nhận ISO 6581:2010		2017	2017			
THÉP CẢI THIỆN, THÉP HỢP KIM, THÉP DỄ CẮT									
479.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 1: Thép hình	Chấp nhận ISO 683-1:2012	TCVN/TC 17 Thép	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		gia công áp lực hợp kim thấp và không hợp kim tô trực tiếp của các sản phẩm đen khác nhau							
480.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 2: Thép hợp kim rôli và ram	Chấp nhận ISO 683-2:2012		2017	2017			
481.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 3: Thép biến cứng	Chấp nhận ISO 683-3:2014		2017	2017			
482.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 4: Thép dễ cắt	Chấp nhận ISO 683-4:2014		2017	2017			
483.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 5: Thép thấm nitơ	Chấp nhận ISO 683-5:2014		2017	2017			
484.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 14: Thép cán nóng dùng cho lò xo tôli và ram	Chấp nhận ISO 683-14:2004	nt	2017	2017			
485.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt	Chấp nhận ISO 683-15:1992	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		- Phần 15 : Thép làm van dùng cho động cơ đốt trong							
486.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 17 : Thép làm ổ lăn và ổ bi	Chấp nhận ISO 683-17:2014	nt	2017	2017			
487.		Thép cải thiện, thép hợp kim và thép dễ cắt - Phần 18 : Sản phẩm sáng màu của thép không hợp kim và thép hợp kim thấp	Chấp nhận ISO 683-18:2014	nt	2017	2017			
ĐỒ TRANG SỨC (Xây dựng 9 TCVN)									
488.		Đồ trang sức - Cỡ nhẫn - Định nghĩa, phép đo và ký hiệu	Soát xét TCVN 5544:1991 Chấp nhận ISO 8653:2016	TCVN/TC 174 <i>Đồ trang sức</i>	2017	2017			
489.		Đồ trang sức - Xác định hàm lượng vàng trong hợp kim vàng trang sức - Phương pháp cupen hóa (hỏa luyện)	Soát xét TCVN 9875:2013 Chấp nhận ISO 11426:2014		2017	2017			
490.		Đồ trang sức - Xác định hàm lượng kim loại quý trong hợp kim	Soát xét TCVN 9876:2013 Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		vàng, platin, paladi 999 dùng làm đồ trang sức - Phương pháp hiệu số sử dụng ICP-OES	ISO 15093:2015						
491.		Đá quý - Thuật ngữ và phân loại	Tự xây dựng, soát xét TCVN 5855:1994	nt	2017	2017			
492.		Đá quý - Phương pháp đo tỷ trọng	Tự xây dựng, soát xét TCVN 5856:1994	nt	2017	2017			
493.		Đá quý - Phương pháp đo chiết suất	Tự xây dựng, soát xét TCVN 5857:1994	nt	2017	2017			
494.		Đá quý - Phương pháp đo phổ hấp thụ	Tự xây dựng, soát xét TCVN 5858:1994	nt	2017	2017			
495.		Đá quý - Phương pháp đo độ cứng	Tự xây dựng, soát xét TCVN 5859:1994	nt	2017	2017			
496.		Đồ trang sức - Niềm tin tiêu dùng trong ngành công nghiệp	Chấp nhận ISO 18323:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kim cương							
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (Xây dựng 15 TCVN)									
497.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén (CNG) - Phần 1: Định nghĩa và yêu cầu chung.	Chấp nhận ISO 15500-1:2015	TCVN/TC 22 <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i>	2017	2017			
498.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 2: Phương pháp thử chung và thử tính năng.	Chấp nhận ISO 15500-2:2012	nt	2017	2017			
499.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 3: Van kiểm tra	Chấp nhận ISO 15500-3:2012	nt	2017	2017			
500.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 4: Van thông thường	Chấp nhận ISO 15500-4:2012	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
501.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 5: Van trụ thông thường	Chấp nhận ISO 15500-5:2012	nt	2017	2017			
502.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 6: Van tự động.	Soát xét TCVN 8606-6:2010 (ISO 15500-6:2001) Chấp nhận ISO 15500-6:2012	nt	2017	2017			
503.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 7: Vòi phun khí.	Soát xét TCVN 8606-7:2010 (ISO 15500-7:2002) Chấp nhận ISO 15500-7:2015	nt	2017	2017			
504.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 8: Đồng hồ đo áp suất.	Soát xét TCVN 8606-8:2010 (ISO 15500-8:2001) Chấp nhận ISO 15500-8:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
505.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén -Phần 9: Bộ điều áp	Chấp nhận ISO 15500-9:2012	nt	2017	2017			
506.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 10: Bộ điều chỉnh lưu lượng	Chấp nhận ISO 15500-10:2015	nt	2017	2017			
507.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 11: Trộn hỗn hợp Khí/ không khí.	Chấp nhận ISO 15500-11:2015	nt	2017	2017			
508.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 12: Van giảm áp (PRV).	Chấp nhận ISO 15500-12:2015	nt	2017	2017			
509.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén -	Chấp nhận ISO 15500-13:2012	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 13: Thiết bị giảm áp (PRD)							
510.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 14 Van quá lưu lượng.	Chấp nhận ISO 15500-14:2012	nt	2017	2017			
511.		Phương tiện giao thông đường bộ - Các bộ phận hệ thống nhiên liệu khí tự nhiên nén - Phần 15: Ống kín khí	Chấp nhận ISO 15500-15:2015	nt	2017	2017			
THANG MÁY (Xây dựng 02 TCVN)									
512.		YCAT về cấu tạo và lắp đặt TM - Thang máy chở người và thang máy chở người và hàng	Soát xét TCVN 6395 (EN 81-1) Chấp nhận EN 81-20	TCVN/TC 178 <i>Thang máy và băng tải chở khách</i>	2017	2017			
513.		YCAT về cấu tạo và lắp đặt TM – Phần 50: Kiểm tra, tính toán và thử nghiệm cho các bộ phận thang máy	Soát xét TCVN 6396-2 (EN 81-2) Chấp nhận EN 81-50		2017	2017			
CẦN TRỤC (Xây dựng 10 TCVN)									
514.		Cần trục – Thử tải và	Chấp nhận ISO 4310:2009	TCVN/TC 96 <i>Cần cẩu</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		quy trình thử tải							
515.		Cần trục – Yêu cầu đối với thử tải	Chấp nhận ISO 14518:2005	nt	2017	2017			
516.		Cần trục – An toàn - Tải nâng	Chấp nhận ISO 17096:2015	nt	2017	2017			
517.		Cần trục – Thiết kế chung – Trạng thái giới hạn và thử khả năng của móc	Chấp nhận ISO 17440:2014	nt	2017	2017			
518.		Cần trục – Thử khả năng của kết cấu thép	Chấp nhận ISO 20332:2008	nt	2017	2017			
519.		Cần trục – Đo căn chỉnh bánh xe	Chấp nhận ISO 11630:1997	nt	2017	2017			
520.		Cần trục – Thiết bị giới hạn và thiết bị chỉ báo – Phần 2: Cần trục di động	Soát xét TCVN 7761-2:2007 (ISO 10245-2:1994) Chấp nhận ISO 10245-2:2014/Amd 2015	nt	2017	2017			
521.		Cần trục - Cabin - Phần 2: Cần trục di động	Soát xét TCVN 5205-2:2008 (ISO 8566-2:1995) Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			ISO 8566-2:2016						
522.		Cầu trục – Sơ đồ và đặc tính điều khiển - Phần 2: Cầu trục di động.	Soát xét TCVN 8854:2011 (ISO 7752:1985) Chấp nhận ISO 7752-2:2011	nt	2017	2017			
523.		Cầu trục di động - Xác định thực nghiệm hiệu suất tính năng cầu trục - Phần 2: Khả năng kết cấu chịu tải trọng tĩnh	Chấp nhận ISO 11662-2:2014	nt	2017	2017			
MÁY CÔNG CỤ (Xây dựng 09 TCVN)									
524.		Máy công cụ - Lắp bánh mài bằng bích mayor	Chấp nhận ISO 666:2012	TCVN/TC 39 <i>Máy công cụ</i>	2017	2017			
525.		Máy công cụ - An toàn - Máy mài tĩnh	Chấp nhận ISO 16089:2015	nt	2017	2017			
526.		An toàn máy gia công gỗ - Máy cắt tấm bằng lưỡi cắt dẫn động bằng xích	Chấp nhận ISO 18217:2015	nt	2017	2017			
527.		Máy công cụ - Then dẫn hướng bi - Phần 1: Đặc tính và yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 23848-1:2009	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
528.		Máy công cụ - Then dẫn hướng bi - Phần 2: Đánh giá tải trọng động và tĩnh và đánh giá tuổi thọ	Chấp nhận ISO 23848-2:2009	nt	2017	2017			
529.		Máy công cụ - Hệ thống bôi trơn	Chấp nhận ISO 5170:1977	nt	2017	2017			
530.		Máy công cụ - Trình bày các hướng dẫn bôi trơn	Chấp nhận ISO 5169:1977	nt	2017	2017			
531.		Máy công cụ - Đánh giá khả năng ngắn hạn của các quá trình gia công trên máy cắt kim loại	Chấp nhận ISO 26303:2012	nt	2017	2017			
532.		Trang bị sản xuất cho các hệ thống vi mô - Giao diện giữa bộ tác động cuối và hệ thống xử lý	Chấp nhận ISO 29262:2011	nt	2017	2017			
BÁNH RĂNG (<i>Xây dựng 05 TCVN</i>)									
533.		Tính toán khả năng tải của bánh răng thẳng và bánh răng nghiêng – Phần 1: Các nguyên lý cơ bản, giới thiệu và các hệ số ảnh hưởng	Chấp nhận ISO 6336-1:2006/cor 1:2008	TCVN/TC 60 <i>Bánh răng</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chung							
534.		Tính toán khả năng tải của bánh răng thẳng và bánh răng nghiêng – Phần 5: Độ bền và chất lượng của vật liệu	Chấp nhận ISO 6336-5:2003	nt	2017	2017			
535.		Tính toán khả năng tải của bánh răng thẳng và bánh răng nghiêng – Ứng dụng bánh răng dùng trong hàng hải	Chấp nhận ISO 9083:2001	nt	2017	2017			
536.		Tính toán khả năng tải của bánh răng thẳng và bánh răng nghiêng – Ứng dụng bánh răng dùng trong công nghiệp	Chấp nhận ISO 9085:2002	nt	2017	2017			
537.		Bánh răng côn - Hệ thống độ chính xác theo ISO	Chấp nhận ISO 17485:2006	nt	2017	2017			
HIỆU SUẤT SỬ DỤNG NƯỚC (Xây dựng 02 TCVN)									
538.		Máy lọc nước gia dụng	Chấp nhận JIS S 3241:2015		2017	2017			
539.		Phương pháp thử cho máy lọc nước gia dụng	Chấp nhận JIS S 3201:2010		2017	2017			
THIẾT BỊ LẠNH GIA DỤNG (Xây dựng 03 TCVN)									

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
540.		Thiết bị lạnh gia dụng – Đặc tính và phương pháp thử - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 62552-1:2015	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
541.		Thiết bị lạnh gia dụng – Đặc tính và phương pháp thử - Phần 2: Yêu cầu tính năng	Chấp nhận IEC 62552-2:2015	nt	2017	2017			
542.		Thiết bị lạnh gia dụng – Đặc tính và phương pháp thử - Phần 3: Tiêu thụ năng lượng và dung tích	Chấp nhận IEC 62552-3:2015	nt	2017	2017			
THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG BẰNG CÔNG NGHỆ LED (Xây dựng 04 TCVN)									
543.		Hệ số duy trì quang thông thời gian dài của các nguồn sáng LED	Chấp nhận IES TM-21:2011	TCVN/TC/E11 <i>Chiếu sáng</i>	2017	2017			
544.		Phương pháp thử nghiệm bóng đèn LED, đèn điện LED và môđun LED	Chấp nhận CIE S 025:2015	nt	2017	2017			
545.		Đèn điện – Phần 1: Yêu cầu chung và yêu cầu thử nghiệm Luminaires - Part 1: General requirements and tests	Soát xét TCVN 7722-1:2009 Chấp nhận IEC 60598-1:2014	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
546.		Hiệu suất năng lượng đèn LED	Tự xây dựng	nt	2017	2017			
MÁY BIẾN ĐỔI ĐO LƯỜNG (Xây dựng 05 TCVN)									
547.		Máy biến đổi đo lường – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 61869-1:2007	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
548.		Máy biến đổi đo lường – Phần 2: Yêu cầu bổ sung đối với máy biến dòng	Chấp nhận IEC 61869-2:2012	nt	2017	2017			
549.		Máy biến đổi đo lường – Phần 3: Yêu cầu bổ sung đối với máy biến áp cảm ứng	Chấp nhận IEC 61869-3:2011	nt	2017	2017			
550.		Máy biến đổi đo lường – Phần 4: Yêu cầu bổ sung đối với máy biến đổi kết hợp	Chấp nhận IEC 61869-4:2013	nt	2017	2017			
551.		Máy biến đổi đo lường – Phần 5: Yêu cầu bổ sung đối với máy biến áp kết hợp	Chấp nhận IEC 61869-5:2011	nt	2017	2017			
TUA BIN GIÓ (Xây dựng 02 TCVN)									
552.		Tuabin gió – Phần 21: Đo và đánh giá đặc tính chất lượng điện năng của tua bin gió	Chấp nhận IEC 61400-21:2008	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nồi lưới							
553.		Tuabin gió – Phần 22: Thử nghiệm sự phù hợp và chứng nhận	Chấp nhận IEC 61400-22:2010	nt	2017	2017			
ACQUY CHÌ (Xây dựng 07 TCVN)									
554.		Acquy chì axit dùng cho truyền động – Phần 1: Yêu cầu chung và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60254-1:2005	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
555.		Acquy chì axit dùng cho truyền động – Phần 2: Kích thước của ngăn acquy và các đầu nối và ghi nhãn cực tính trên acquy	Chấp nhận IEC 60254-2:2008	nt	2017	2017			
556.		Acquy chì axit tinh tại – Phần 11: Loại thông hơi – Yêu cầu chung và phương pháp thử	Chấp nhận IEC 60896-11:2002	nt	2017	2017			
557.		Acquy chì axit tinh tại – Phần 21: Loại có van điều chỉnh – Phương pháp thử	Chấp nhận IEC 60896-21:2004	nt	2017	2017			
558.		Acquy chì axit tinh tại – Phần 22: Loại có	Chấp nhận IEC 60896-22:2004	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		điều chỉnh – Yêu cầu							
559.		Acquy chì axít dùng cho mục đích chung – Phần 1: Yêu cầu chung, đặc tính chức năng – Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 61056-1:2012	nt	2017	2017			
560.		Acquy chì axít dùng cho mục đích chung – Phần 2: Kích thước, đầu nối và ghi nhãn	Chấp nhận IEC 61056-2:2012	nt	2017	2017			
TÀU ĐIỆN (<i>Xây dựng 03 TCVN</i>)									
561.		Ứng dụng đường sắt – Điện áp nguồn của hệ thống kéo	Chấp nhận IEC 60850:2014	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
562.		Ứng dụng đường sắt – Hệ thống lắp đặt điện cố định – Đường dây tải điện trên không dùng cho truyền động điện	Chấp nhận IEC 60913:2013	nt	2017	2017			
563.		Ứng dụng đường sắt – Toa tàu – Thử nghiệm toa tàu có kết cấu hoàn chỉnh và trước khi đưa vào sử dụng	Chấp nhận IEC 61133:2016		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI (Xây dựng 04 TCVN)									
564.		Môđun photovoltaic (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1: Yêu cầu thử nghiệm	Chấp nhận IEC 61215-1:2016	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
565.		Môđun photovoltaic (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu đặc biệt đối với thử nghiệm môđun photovoltaic tinh thể silic kết tinh	Chấp nhận IEC 61215-1-1:2016	nt	2017	2017			
566.		Môđun photovoltaic (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 2: Quy trình thử nghiệm	Chấp nhận IEC 61215-2:2016	nt	2017	2017			
567.		Hệ thống photovoltaic (PV) – Yêu cầu thử nghiệm, tài liệu và bảo trì – Phần 1: Hệ thống nối lưới – Tài liệu, thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra	Chấp nhận IEC 62446-1 (2016-01)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
MÁY BIẾN ÁP ĐIỆN LỰC (Xây dựng 02 TCVN)									
568.		Máy biến áp điện lực – Phần 10: Xác định mức âm thanh	Chấp nhận IEC 60076-10:2016	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2017	2017			
569.		Máy biến áp điện lực – Phần 10-1: Xác định mức âm thanh – Hướng dẫn áp dụng	Chấp nhận IEC 60076-10-1:2016		2017	2017			
DÂY QUẤN (Xây dựng 11 TCVN)									
570.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 13: Sợi dây đồng tròn tráng men polyester hoặc polyesterimide phủ polyamide-imide, cấp chịu nhiệt 200	Chấp nhận IEC 60317-13:2010 Edition 3.0 (2010-03-18)	TCVN/TC/E4 <i>Dây và cáp điện</i>	2017	2017			
571.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 21: Sợi dây đồng tròn tráng men polyuretán có thể hàn được phủ polyamide, cấp chịu nhiệt 155	Chấp nhận IEC 60317-21:2013 Edition 3.0 (2013-10-10)		2017	2017			
572.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 22: Sợi dây đồng	Chấp nhận IEC 60317-22:2004+AMD1:	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tròn trắng men polyester hoặc polyesterimide phủ polyamide, cấp chịu nhiệt 180	2009 CSV Edition 3.1 (2010-02-25)						
573.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 35: Sợi dây đồng tròn trắng men polyesterimide có thể hàn được, cấp chịu nhiệt 155, có lớp liên kết	Chấp nhận IEC 60317-35:2013 Edition 2.0 (2013-10-14)	nt	2017	2017			
574.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 36: Sợi dây đồng tròn trắng men polyesterimide có thể hàn được, cấp chịu nhiệt 180, có lớp liên kết	Chấp nhận IEC 60317-36:2013 Edition 2.0 (2013-10-14)	nt	2017	2017			
575.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 37: Sợi dây đồng tròn trắng men polyesterimide, cấp chịu nhiệt 180, có lớp	Chấp nhận IEC 60317-37:2013 Edition 2.0 (2013-10-14)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		liên kết							
576.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 38: Sợi dây đồng tròn trắng men polyester hoặc polyesterimide phủ polyamide-imide, cấp chịu nhiệt 200, có lớp liên kết	Chấp nhận IEC 60317-38:2013 Edition 2.0 (2013-10-14)	nt	2017	2017			
577.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 55: Sợi dây đồng tròn trắng men polyurethane có thể hàn được, cấp chịu nhiệt 180	Chấp nhận IEC 60317-55:2013 Edition 2.0 (2013-10-14)	nt	2017	2017			
578.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 59: Sợi dây đồng tròn trắng men polyamide-imide, cấp chịu nhiệt 240	Chấp nhận IEC 60317-59:2015 Edition 1.0 (2015-11-04)	nt	2017	2017			
579.		Qui định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 0-1: Yêu cầu chung - Sợi dây đồng	Soát xét TCVN 7675-0-1:2007 (IEC 60317-0-1:2005)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tròn tráng men	Chấp nhận IEC 60317-0-1:2013						
580.		Quy định đối với các loại dây quấn cụ thể - Phần 52: Sợi dây đồng tròn quấn bằng polyamide thom (aramid)	Chấp nhận IEC 60317-52:2014	nt	2017	2017			
LƯỚI ĐIỆN THÔNG MINH (Xây dựng 03 TCVN)									
581.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực - Phần 1: Giới thiệu và tổng quan	Chấp nhận IEC/TR 61850-1:2013	TCVN/TC/E4 <i>Dây và cáp điện</i>	2017	2017			
582.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực - Phần 3: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 61850-3:2013	nt	2017	2017			
583.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực - Phần 4: Quản lý hệ thống và quản lý dự án	Chấp nhận IEC 61850-4:2011	nt	2017	2017			
DIỆN TRỞ VÀ TỤ ĐIỆN KHÔNG ĐỔI SỬ DỤNG TRONG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ (Xây dựng 8 TCVN)									
584.		Điện trở không đổi sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 2: Quy định	Chấp nhận IEC 60384-2:2011	TCVN/TC/E3 <i>Thiết bị điện tử dân dụng</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kỹ thuật từng phần – Tụ điện điện môi một chiều màng polyethylene–terphthalate kim loại không đổi							
585.		Điện trở không đổi sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 2-1: Quy định kỹ thuật từng phần – Tụ điện điện môi một chiều màng polyethylene–terphthalate kim loại không đổi – Mức đánh giá E và EZ	Chấp nhận IEC 60384-2-1:2005	nt	2017	2017			
586.		Điện trở không đổi sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 3: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện có điện phân tantalum không đổi vớimangandioxideđiện phân rắn	Chấp nhận IEC 60384-3:2006	nt	2017	2017			
587.		Điện trở không đổi sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 3-1: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện có điện phân tantalum cố định vớimangandioxideđiện	Chấp nhận IEC 60384-3-1:2006	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phân rã – Mức đánh giá EZ							
588.		Điện trở không đối sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 4-1: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện phânnhôm với chất rã(MnO ₂) và điện phân không rã	Chấp nhận IEC 60384-4-1:2007	nt	2017	2017			
589.		Điện trở không đối sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 4-2: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điệncó định nhôm với chất rã(MnO ₂) –Mức đánh giá EZ	Chấp nhận IEC 60384-4-2:2007	nt	2017	2017			
590.		Tụ điện không đối để sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 8: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện không đối của điện môi gốm, Cấp 1	Chấp nhận IEC 60384-8:2015	nt	2017	2017			
591.		Tụ điện không đối để sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 8-1: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện không đối của điện môi gốm,	Chấp nhận IEC 60384-8-1:2005	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Cấp 1- Mức đánh giá EZ							
THIẾT BỊ BÁN DẪN (Xây dựng 8 TCVN)									
592.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 2: Áp suất không khí thấp	Chấp nhận IEC 60749-2-2002	TCVN/TC/E3 <i>Thiết bị điện tử dân dụng</i>	2017	2017			
593.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 3: Kiểm tra trực quan bên ngoài	Chấp nhận <u>IEC 60749-3:2002</u>	nt	2017	2017			
594.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 4: Thử nghiệm ứng suất gia tốc cao, nhiệtâm, trạng thái ổn định	Chấp nhận <u>IEC 60749-4:2002</u>	nt	2017	2017			
595.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 8: Hàn	Chấp nhận <u>IEC 60749-8:2002</u>	nt	2017	2017			
596.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 10: Xóc cơ học	Chấp nhận <u>IEC 60749-10:2002</u>	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
597.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 14: Độ cứng của đầu nối (Tính nguyên vẹn của đầu nối)	Chấp nhận <u>IEC 60749-14:2003</u>	nt	2017	2017			
598.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 15: Khả năng chịu nhiệt độ hàn đối với thiết bị lắp đặt thông qua các lỗ	Chấp nhận <u>IEC 60749-15:2010</u>	nt	2017	2017			
599.		Thiết bị bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 22: Khả năng chịu liên kết.	Chấp nhận <u>IEC 60749-22:2002</u>	nt	2017	2017			
BỘ NỐI NGUỒN THIẾT BỊ (Xây dựng 04 TCVN)									
600.		Bộ nối nguồn dùng cho thiết bị gia dụng và các mục đích sử dụng chung tương tự - Phần 2-1: Bộ nối nguồn dùng cho máy khâu	Chấp nhận <u>IEC 60320-2-1:2000</u>	TCVN/TC/E2 <i>Thiết bị điện dân dụng</i>	2017	2017			
601.		Bộ nối nguồn dùng cho thiết bị gia dụng và các mục đích sử dụng chung tương tự - Phần	Chấp nhận IEC 60320-2-3:2005	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		2-3: Bộ nối nguồn có cấp bảo vệ cao hơn IPX0							
602.		Bộ nối nguồn dùng cho thiết bị gia dụng và các mục đích sử dụng chung tương tự - Phần 2-4: Bộ nối nguồn phụ thuộc vào trọng lượng thiết bị dùng để gài	Chấp nhận IEC 60320-2-4:2009	nt	2017	2017			
603.		Bộ nối nguồn dùng cho thiết bị gia dụng và các mục đích sử dụng chung tương tự - Phần 3: Tờ rời tiêu chuẩn và đường đo	Chấp nhận IEC 60320-3:2014	nt	2017	2017			
AN TOÀN THIẾT BỊ ĐIỆN GIA DỤNG (Xây dựng 3 TCVN)									
604.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể đối với lò liên bếp, ngăn giữ nóng, lò đặt tĩnh tại và các thiết bị tương tự	Chấp nhận IEC 60335-2-6:2014	TCVN/TC/E2 <i>Thiết bị điện dân dụng</i>	2017	2017			
605.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-9: Yêu cầu cụ thể đối với lò nướng, lò nướng bánh mì và các thiết bị	Chấp nhận IEC 60335-2-9:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nấu di động tương tự							
606.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự – an toàn – Phần 2– 40: Yêu cầu cụ thể đối với bơm nhiệt, máy điều hoà không khí và máy hút ẩm	Chấp nhận IEC 60335-2-40:2016	nt	2017	2017			
MÁY GIẶT TIẾT KIỆM NƯỚC (Xây dựng 01 TCVN)									
607.		Máy giặt gia dụng – Tiết kiệm nước	Tự xây dựng	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>					
SẢN PHẨM HÓA HỌC (Xây dựng 05 TCVN)									
608.		Nhôm oxit sử dụng để sản xuất nhôm nguyên chất - Phân tích cỡ hạt dải từ 45 µm đến 150 µm - Phương pháp sử dụng sàng đột lỗ	ISO 2926:2013	TCVN/TC 47 <i>Hóa học</i>	2017	2017			
609.		Nhôm oxit sử dụng để sản xuất nhôm nguyên chất - Xác định chỉ số mài mòn	Chấp nhận ISO 17500:2006	Nt	2017	2017			
610.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm – Phương pháp xác định khối lượng riêng đồng nén và chưa nén	Chấp nhận ISO 18842:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
611.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm – Phương pháp xác định thời gian chảy	Chấp nhận ISO 18843:2015	nt	2017	2017			
612.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Xác định các nguyên tố vết - Phương pháp quang phổ huỳnh quang tia X tán xạ bước sóng	Chấp nhận ISO 23201:2015	nt	2017	2017			
NHIÊN LIỆU KHOÁNG RẮN (Xây dựng 05 TCVN)									
613.		Than nâu và linhhit – Xác định hiệu suất chiết bezen hòa tan – Phương pháp bán tự động	Chấp nhận ISO 975:2013	TCVN/TC 27 <i>Nhiên liệu khoáng rắn</i>	2017	2017			
614.		Than nâu và linhhit – Xác định hàm lượng chất bốc trong mẫu phân tích – Phần 1: Phương pháp lò nung đôi	Chấp nhận ISO 5071-1:2013	nt	2017	2017			
615.		Than nâu và linhhit – Xác định khối lượng riêng tương đối thực và khối lượng riêng tương đối biểu kiến	Chấp nhận ISO 5072:2013	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
616.		Than nâu và linhit – Xác định axit humic	Chấp nhận ISO 5073:2013	nt	2017	2017			
617.		Than đá – Xác định độ mài mòn	Chấp nhận ISO 12900:2015	nt	2017	2017			
CHẤT ĐÈO (Xây dựng 06 TCVN)									
618.		Chất dẻo - Phương pháp tiếp xúc với nguồn sáng trong phòng thí nghiệm - Phần 1: Hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 4892-1:2016	TCVN/TC 61 <i>Chất dẻo</i>	2017	2017			
619.		Chất dẻo - Phương pháp tiếp xúc với nguồn sáng trong phòng thí nghiệm - Phần 2: Đèn Xenon-arc	Chấp nhận ISO 4892-2:2013	nt	2017	2017			
620.		Chất dẻo - Phương pháp tiếp xúc với nguồn sáng trong phòng thí nghiệm - Phần 3: Đèn huỳnh quang UV	Chấp nhận ISO 4892-3:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
621.		Chất dẻo - Phương pháp tiếp xúc với nguồn sáng trong phòng thí nghiệm - Phần 4: Ngọn lửa đèn hồ quang cacbon hở	Chấp nhận ISO 4892-4:2013	nt	2017	2017			
622.		Chất dẻo - Xác định tính chất nén	Chấp nhận ISO 604:2002	nt	2017	2017			
623.		Chất dẻo - Xác định độ bền va đập kéo	Chấp nhận ISO 8256:2004	nt	2017	2017			
QUẶNG Cu, Pb, Zn, Ni (Xây dựng 06 TCVN)									
624.		Tinh quặng đồng chì và kẽm sulfide – Xác định hàm lượng ẩm lưu trong mẫu phân tích – Phương pháp khối lượng	Chấp nhận ISO 9599:2015	TCVN/TC 102 <i>Quặng sắt</i>	2017	2017			
625.		Tinh quặng đồng chì và kẽm sulfide – Xác định vàng và bạc – Phương pháp khối lượng nhiệt kim và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 10378:2016	nt	2017	2017			
626.		Tinh quặng đồng sulfide – Xác định hàm lượng đồng – Phương	Chấp nhận ISO 10469:2006	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp khối lượng điện tích							
627.		Tinh quặng kẽm sulfide – Xác định kẽm – Phương pháp chiết trong dung môi và chuẩn độ EDTA	Chấp nhận ISO 13291:2006	nt	2017	2017			
628.		Tinh quặng đồng, chì, kẽm và niken sulfide – Xác định hàm lượng kim loại trong một lô	Chấp nhận ISO/FDIS 13543	nt	2017	2017			
629.		Tinh quặng chì sulfide – Xác định hàm lượng chì – Phương pháp chuẩn độ EDTA sau khi phân hủy bằng axit	Chấp nhận ISO 13545:2000	nt	2017	2017			
SẢN PHẨM DẦU MỎ (Xây dựng 05 TCVN)									
630.		Sản phẩm dầu mỏ – Hướng dẫn sử dụng các bảng đo lường	Chấp nhận ASTM D 1250 – 08 (2013)e1	TCVN/TC28/SC2 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn	2017	2017			
631.		Nhiên liệu điêzen – Xác định độ bôi trơn bằng chuyển động khur hời cao tần (HFRR) – Quan sát bằng mắt thường	Chấp nhận ASTM D 7688 - 11	nt	2017	2017			
632.		Nhiên liệu động cơ đánh lửa – Xác định	Chấp nhận ASTM D 6296 -	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		olefin tổng bằng sắc ký khí đa chiều	98(2013)						
633.		Nhiên liệu động cơ đánh lửa – Xác định các loại hydrocacbon, các hợp chất oxy hóa và benzen bằng sắc ký khí	Chấp nhận ASTM D 6839 - 16	nt	2017	2017			
634.		Sản phẩm dầu mỏ - Xác định benzen, toluen và tổng các chất thơm trong xăng thành phẩm bằng sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Chấp nhận ASTM D 5769-15	nt	2017	2017			
SON VÀ VECNI (Xây dựng 09 TCVN)									
635.		Sơn và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 1: Giới thiệu chung và hệ thống ký hiệu	Chấp nhận ISO 4628-1:2016	TCVN/TC35 <i>Sơn và vecni</i>	2017	2017			
636.		Sơn và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số	Chấp nhận ISO 4628-2:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 2: Đánh giá độ phòng rộp							
637.		Son và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 3: Đánh giá độ gỉ sét	Chấp nhận ISO 4628-3:2016	nt	2017	2017			
638.		Son và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 4: Đánh giá độ nứt	Chấp nhận ISO 4628-4:2016	nt	2017	2017			
639.		Son và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 5:	Chấp nhận ISO 4628-5:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Đánh giá độ bong tróc							
640.		Sơn và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 6: Đánh giá độ phân hóa bằng phương pháp dải băng	Chấp nhận ISO 4628-6:2011	nt	2017	2017			
641.		Sơn và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 7: Đánh giá độ phân hóa bằng phương pháp nhung	Chấp nhận ISO 4628-7:2016	nt	2017	2017			
642.		Sơn và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 8:	Chấp nhận ISO 4628-8:2012	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Đánh giá độ phân lớp và ăn mòn xung quanh một khuyết tật sao chép hoặc nhân tạo khác							
643.		Son và vecni – Đánh giá sự xuống cấp của lớp phủ – Ký hiệu số lượng và kích cỡ các khuyết tật và mức độ thay đổi đồng nhất về ngoại quan – Phần 10: Đánh giá độ ăn mòn dạng sợi	Chấp nhận ISO 4628-10:2016	nt	2017	2017			
CAO SU (Xây dựng 11 TCVN)									
644.		Cao su - Xác định hàm lượng kim loại bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử - Phần 3: Xác định hàm lượng đồng	Chấp nhận ISO 6101-3:2014	TCVN/TC 45 <i>Cao su và sản phẩm cao su</i>	2017	2017			
645.		Cao su - Xác định hàm lượng kim loại bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử - Phần 4: Xác định hàm lượng mangan	Chấp nhận ISO 6101-4:2014	nt	2017	2017			
646.		Cao su - Hướng dẫn sử	Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		dụng thiết bị lưu hóa	ISO 6502:2016						
647.		Ống và hệ thống ống bằng cao su và chất dẻo - Xác định truyền chất lỏng qua thành ống và hệ thống ống	Chấp nhận ISO 8308:2015	nt	2017	2017			
648.		Ống bằng cao su và chất dẻo - Phương pháp thử tính dễ cháy	Chấp nhận ISO 8030:2014	nt	2017	2017			
649.		Ống và cấu kiện ống bằng cao su và chất dẻo dùng cho hệ thống phân phối nhiên liệu đo - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 5772:2015	nt	2017	2017			
650.		Ống cao su gia cường sợi dùng cho các ứng dụng nước cho mục đích chung - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 1403:2005	nt	2017	2017			
651.		Cao su chưa lưu hóa – Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt – Phần 2: Xác định các đặc tính tiền lưu hóa	Soát xét TCVN 6090-2:2013 (ISO 289-2:1994) Chấp nhận ISO 289-2:2016		2017	2017			
652.		Cao su chưa lưu hoá – Phương pháp sử dụng	Soát xét TCVN 6090-	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nhớt kế đĩa trượt – Phần 3: Xác định giá trị Mooney Delta đối với SBR trùng hợp nhũ tương, không có bột màu, chứa dầu	3:2013 (ISO 289-3:1999) Chấp nhận ISO 289-3:2015						
653.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định mức độ tác động của chất lỏng	Soát xét TCVN 2752:2013 (ISO 1817:2011) Chấp nhận ISO 1817:2015	nt	2017	2017			
654.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Thử nghiệm độ cứng – Giới thiệu và hướng dẫn	Soát xét TCVN 10229:2013 (ISO 18517:2005) Chấp nhận ISO 18517:2015	nt	2017	2017			
GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ (<i>Xây dựng 12 TCVN</i>)									
655.		Gỗ dán – Từ vụng	Soát xét TCVN 7752:2007 Chấp nhận ISO 2074:2007	TCVN/TC 89 <i>Ván gỗ nhân tạo</i>	2017	2017			
656.		Gỗ dán – Dung sai kích thước	Soát xét TCVN 7755:2007	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Chấp nhận ISO 1954:2013						
657.		Gỗ dán – Phân loại ngoại quan bề mặt – Phần 1: Tổng quan	Soát xét TCVN 7755:2007 Chấp nhận ISO 2426-1:2000	nt	2017	2017			
658.		Gỗ dán – Phân loại ngoại quan bề mặt – Phần 2: Gỗ cây lá rộng	Soát xét TCVN 7755:2007 Chấp nhận ISO 2426-2:2000	nt	2017	2017			
659.		Gỗ dán – Phân loại ngoại quan bề mặt – Phần 3: Gỗ cây lá kim	Soát xét TCVN 7755:2007 Chấp nhận ISO 2426-3:2000	nt	2017	2017			
660.		Gỗ dán – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 7755:2007 Chấp nhận ISO 12465:2007		2017	2017			
661.		Ván gỗ nhân tạo – Lấy mẫu và cắt mẫu thử	Soát xét TCVN 7756-1:2007 Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			ISO 16999:2003						
662.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định kích thước tấm	Soát xét TCVN 7756-2:2007 Chấp nhận ISO 9426:2003	nt	2017	2017			
663.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định độ ẩm	Soát xét TCVN 7756-3:2007 Chấp nhận ISO 16979:2003	nt	2017	2017			
664.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định độ nhẵn bề mặt	Soát xét TCVN 7756-10:2007 Chấp nhận ISO 16981:2003	nt	2017	2017			
665.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định lực bám giữ đinh vít	Soát xét TCVN 7756-11:2007 Chấp nhận ISO 27528:2009	nt	2017	2017			
666.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định hàm lượng formaldehyt phát tán – Phần 4: Phương pháp bình hút ẩm	Chấp nhận ISO 12460-4:2016		2017	2017			
SẢN PHẨM KHÍ (Xây dựng 13 TCVN)									

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
667.		Khí thiên nhiên – Yêu cầu chất lượng	Chấp nhận ISO 13686:2013	TCVN/TC 193 <i>Khí thiên nhiên</i>	2017	2017			
668.		Khí thiên nhiên – Khí thiên nhiên nén sử dụng cho phương tiện giao thông – Phần 1: Yêu cầu chất lượng	Chấp nhận ISO 15403-1:2006	nt	2017	2017			
669.		Khí thiên nhiên – Khí thiên nhiên nén sử dụng cho phương tiện giao thông – Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chất lượng	Chấp nhận ISO/TR 15403-2:2006	nt	2017	2017			
670.		Phân tích khí – Xác định điểm sương nước của khí thiên nhiên – Thiết bị đo ẩm ngưng tụ bề mặt lạnh	Chấp nhận ISO 6327:1981	nt	2017	2017			
671.		Khí thiên nhiên – Hàm lượng hydrocacbon và điểm sương hydrocacbon	Chấp nhận ISO/TR 11150:2007	nt	2017	2017			
672.		Khí thiên nhiên – Xác định thành phần và độ không đảm bảo kèm theo bảng sắc ký khí – Phần 1: Hướng dẫn chung và tính thành phần	Chấp nhận ISO 6974-1:2012	nt	2017	2017			
673.		Khí thiên nhiên – Xác	Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		định thành phần và độ không đảm bảo kèm theo bằng sắc ký khí – Phần 2: Tính độ không đảm bảo	ISO 6974-2:2012						
674.		Khí thiên nhiên – Xác định các hợp chất lưu huỳnh – Phần 3: Xác định hydro sulfua, lưu huỳnh mercaptan và lưu huỳnh carbonyl sulfua bằng phép đo điện thế	Chấp nhận ISO 6326-3:1989	nt	2017	2017			
675.		Khí thiên nhiên – Xác định thành phần với độ không đảm bảo xác định bằng sắc ký khí – Phần 3: Xác định hydro, heli, oxy, nito, carbon dioxit và các hydrocarbon đến C8 sử dụng hai cột nhồi	Chấp nhận ISO 6974-3:2000	nt	2017	2017			
676.		Khí thiên nhiên – Xác định thành phần với độ không đảm bảo xác định bằng sắc ký khí – Phần 4: Xác định nito, carbon dioxit và hydrocarbon C1 đến C5 và C6+ đối với phòng thử nghiệm và	Chấp nhận ISO 6974-4:2000	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hệ thống đo trực tuyến sử dụng hai cột							
677.		Khí thiên nhiên – Xác định thành phần với độ không đảm bảo kèm theo bằng sắc ký khí – Phần 5: Phương pháp đẳng nhiệt đối với nito, carbon dioxit, hydrocarbon C1 đến C5 và C6+	Chấp nhận ISO 6974-5:2014	nt	2017	2017			
678.		Khí thiên nhiên – Xác định thành phần với độ không đảm bảo xác định bằng sắc ký khí – Phần 6: Xác định hydro, heli, oxy, nito, carbon dioxit và các hydrocarbon C1 đến C8 sử dụng ba cột mao quản	Chấp nhận ISO 6974-6:2002	nt	2017	2017			
679.		Khí thiên nhiên – Xác định các tính chất – Giá trị nhiệt và chỉ số Wobbe	Chấp nhận ISO 15971:2008	nt	2017	2017			
CHIẾU XẠ THỰC PHẨM (Xây dựng 08 TCVN)									
680.		Chiếu xạ thực phẩm – Yêu cầu đối với việc xây dựng, xác nhận giá trị sử dụng và kiểm	Chấp nhận ISO 14470:2011	TCVN/TC/F5 Vệ sinh thực phẩm và chiếu xạ	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		soát thường quy đối với quá trình bức xạ ion hóa dùng để xử lý thực phẩm							
681.		Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ bằng phương pháp đo cường độ phát quang do kích thích ánh sáng	Soát xét TCVN 7746:2007 (EN 13751:2002) Chấp nhận EN 13751:2009	nt	2017	2017			
682.		Thực phẩm – Phát hiện thực phẩm chiếu xạ bằng kỹ thuật sàng lọc vi sinh dùng quy trình LAL/GNB	Chấp nhận EN 14569:2004	nt	2017	2017			
683.		Tiêu chuẩn hướng dẫn đối với vật liệu bao gói dùng cho thực phẩm được chiếu xạ	Chấp nhận ASTM F1640-09	nt	2017	2017			
684.		Tiêu chuẩn hướng dẫn chiếu xạ cá và động vật không xương sống thủy sinh sử dụng làm thực phẩm để kiểm soát vi sinh vật gây bệnh và gây hỏng thực phẩm	Chấp nhận ASTM F1736-09	nt	2017	2017			
685.		Thực hành đo liều áp dụng cho thiết bị xử lý	Soát xét TCVN	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chiếu xạ bằng chùm tia điện tử có năng lượng từ 80 keV đến 300 keV	8769:2011 (ISO/ASTM 51818:2009) Chấp nhận ISO/ASTM 51818:2013						
686.		Thực hành sử dụng hệ đo liều nhiệt lượng để đo liều chùm tia điện tử và hiệu chuẩn liều kế đo thường xuyên	Soát xét TCVN 8770:2011 (ISO/ASTM 51631:2003) Chấp nhận ISO/ASTM 51631:2013	nt	2017	2017			
687.		Hướng dẫn đo liều đối với các chương trình phóng thích côn trùng bất dục	Soát xét TCVN 8772:2011 (ISO/ASTM 51940:2004) Chấp nhận ISO/ASTM 51940:2013	nt	2017	2017			
THỦY SẢN VÀ SẢN PHẨM THỦY SẢN (<i>Xây dựng 06 TCVN</i>)									
688.		Thủy sản và sản phẩm thủy sản – Xác định dư lượng ba hợp chất màu triphenylmethan và các chất chuyển hóa của	Dựa trên cơ sở AOAC 2012.25	TCVN/TC/F11 <i>Thủy sản và sản phẩm thủy sản</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chúng (malachite green, leuco malachite green, crystal violet, leuco crystal violet, brilliant green) – Phương pháp sắc kí lỏng-phổ khối lượng hai lần (LC-MS/MS)							
689.		Thủy sản và sản phẩm thủy sản – Xác định hàm lượng putrescine và cadaverine – Phương pháp sắc kí khí	Dựa trên cơ sở AOAC 996.07	nt	2017	2017			
690.		Aga	Soát xét TCVN 3591:1988 Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
691.		Tôm đóng hộp	Soát xét TCVN 6387:2006 (CODEX STAN 37-1995, Rev. 1-1995) Chấp nhận CODEX STAN	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			37-1981, Rev. 1995, Amd. 2011, 2013						
692.		Thịt cua ghe đóng hộp	Soát xét TCVN 6389:2003 (CODEX STAN 90-1995) Chấp nhận CODEX STAN 90-1981, Rev. 1-1995, Amd. 2011, 2013	nt	2017	2017			
RAU QUẢ (Xây dựng 06 TCVN)									
693.		Su su quả tươi	Chấp nhận CODEX STAN 216-1999, Amd. 2-2011	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2017	2017			
694.		Mướp đắng <i>Okra</i>	Chấp nhận CODEX STAN 318-2014	nt	2017	2017			
695.		Chanh không hạt quả tươi	Chấp nhận CODEX STAN 213-1999, Amd. 4-2011	nt	2017	2017			
696.		Lựu quả tươi	Chấp nhận CODEX STAN 310-2013	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
697.		Xốt táo đóng hộp	Chấp nhận CODEX STAN 17-1981, Rev. 1-2001	nt	2017	2017			
698.		Rau – Tên gọi – Danh mục thứ hai	Chấp nhận ISO 1991-2:1995	nt	2017	2017			
DẦU MỠ ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT (Xây dựng 07 TCVN)									
699.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định các hydrocarbon béo trong dầu thực vật	Chấp nhận ISO 17780:2015	TCVN/TC/F2 <i>Dầu mỡ động vật và thực vật</i>	2017	2017			
700.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định các chloropropanediol liên kết với axit béo (MCPD) và các glycidol bằng GC/MS – Phần 1: phương pháp sử dụng chuyển hóa este kiểm nhanh và đo 3-MCPD và các phép đo glycidol	Chấp nhận ISO 18363-1:2015	nt	2017	2017			
701.		Dầu mỡ động thực vật – Xác định hàm lượng tocopherol và tocotrienol bằng phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao	Soát xét TCVN 6761:2008 (ISO 9936:2006) Chấp nhận ISO 9936:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
702.		Dầu mỡ động thực vật – Xác định khả năng chịu ôxy hoá (phép thử ôxy hoá nhanh)	Soát xét TCVN 6763:2008 (ISO 6886:2006) Chấp nhận ISO 6886:2016	nt	2017	2017			
703.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định trị số anisidin	Soát xét TCVN 9670:2013 (ISO 6885:2006) Chấp nhận ISO 6885:2016	nt	2017	2017			
704.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Sắc ký khí các methyl este của axit béo – Phần 1: Hướng dẫn đo sắc ký khí hiện đại các methyl este của axit béo	Chấp nhận ISO 12966-1:2014	nt	2017	2017			
705.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Sắc ký khí các methyl este của axit béo – Phần 4: Xác định bằng sắc ký khí mao quản	Chấp nhận ISO 12966-4:2015	nt	2017	2017			
THỰC PHẨM CÔNG THỨC (Xây dựng 05 TCVN)									
706.		Thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho	Soát xét TCVN	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		người lớn – Xác định crom, selen và molybden bằng đo phổ nguyên tử plasma cảm ứng cao tần (ICP-MS)	9520:2012 Chấp nhận ISO 20649:2015						
707.		Thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người lớn – Xác định vitamin B12 bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao pha đảo (RP-HPLC)	Soát xét TCVN 9514:2012 Chấp nhận ISO 20634:2015	nt	2017	2017			
708.		Thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh – Xác định các nucleotide bằng sắc kí lỏng	Soát xét TCVN 9515:2012 Chấp nhận ISO 20638:2015	nt	2017	2017			
709.		Thực phẩm dùng cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người lớn – Xác định myo-inositol bằng sắc kí lỏng và đo ampe xung	Chấp nhận ISO 20637:2015	nt	2017	2017			
710.		Thực phẩm – Xác định immunoglobulin G trong colostrum, sữa bột và thực phẩm bổ sung – Phương pháp	Dựa trên cơ sở AOAC 2010.01	nt					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sắc kí lỏng							
THỰC PHẨM BỔ SUNG VI CHẤT (Xây dựng 05 TCVN)									
711.		Nhân sâm và sản phẩm nhân sâm	Chấp nhận CODEX STAN 321-2015	TCVN/TC/F6 <i>Dinh dưỡng và thực phẩm ăn kiêng</i>	2017	2017			
712.		Thực phẩm – Xác định các aconitum alkaloid trong thực phẩm bổ sung và nguyên liệu thực vật – Phương pháp sắc kí lỏng với detector UV	Dựa trên cơ sở AOAC 2008.11	nt	2017	2017			
713.		Thực phẩm – Xác định campesterol, stigmasterol và beta-sitosterol trong thực phẩm bổ sung – Phương pháp sắc kí khí	Dựa trên cơ sở AOAC 2007.03	nt	2017	2017			
714.		Thực phẩm – Xác định hoạt độ chống oxy hóa bằng phản ứng với 2,2-diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH)	Dựa trên cơ sở AOAC 2012.04	nt	2017	2017			
715.		Thực phẩm – Xác định axit I aristolochic trong thực phẩm bổ sung và nguyên liệu thực vật có	Dựa trên cơ sở AOAC 2007.05	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		khả năng nhiễm axit I aristolochic – Phương pháp sắc kí lỏng với detector UV (LC-UV) và khẳng định bằng sắc kí lỏng-khối phổ (LC-MS)							
NGŨ CỐC VÀ ĐẬU ĐỎ (<i>Xây dựng 05 TCVN</i>)									
716.		Yến mạch	Chấp nhận CODEX STAN 201-1995	TCVN/TC/F1 <i>Ngũ cốc và đậu đỏ</i>	2017	2017			
717.		Ngũ cốc, sản phẩm từ ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng chất béo thô và hàm lượng chất béo tổng số bằng phương pháp chiết Randall	Soát xét TCVN 6555:2011 (ISO 11085:2008) Chấp nhận ISO 11085:2015	nt	2017	2017			
718.		Gạo – Xác định các đặc tính sinh trắc học của hạt	Chấp nhận ISO 11746:2012	nt	2017	2017			
719.		Gạo – Xác định hàm lượng amyloza – Phần 1: Phương pháp chuẩn	Soát xét TCVN 5716-1:2008 (ISO 6647-1:2007) Chấp nhận ISO 6647-1:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
720.		Gạo – Xác định hàm lượng amyloza – Phần 2: Phương pháp thường xuyên	Soát xét TCVN 5716-2:2008 (ISO 6647-2:2007) Chấp nhận ISO 6647-2:2015	nt	2017	2017			
721.		Hướng dẫn đảm bảo chất lượng vi sinh vật của gia vị và thảo mộc dùng trong thịt và các sản phẩm từ gia cầm	Chấp nhận CAC/GL 14-1991	TCVN/TC/F8 <i>Thịt và sản phẩm thịt</i>	2017	2017			
722.		Hướng dẫn kiểm soát <i>Taenia saginata</i> (sán dây) trong thịt bò	Chấp nhận CAC/GL 85-2014	nt	2017	2017			
723.		Thịt và sản phẩm thịt – Hướng dẫn kiểm soát <i>Trichinella</i> spp. trong thịt các loài thuộc họ Lợn	Chấp nhận CAC/GL 86-2015	nt	2017	2017			
724.		Thịt xay nhuyễn chế biến sẵn	Soát xét TCVN 8157:2009 (CODEX STAN 89-1981, Rev.1-1991) Chấp nhận CODEX STAN 89-1981, Rev.3-2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
725.		Thịt xay thô chế biến sẵn	Soát xét TCVN 8158:2009 (CODEX STAN 98-1981, Rev.1-1991) Chấp nhận CODEX STAN 98-1981, Rev.3-2015	nt	2017	2017			
726.		Thịt đùi lợn chế biến sẵn	Soát xét TCVN 8159:2009 (CODEX STAN 96-1981, Rev.1-1991) Chấp nhận CODEX STAN 96-1981, Rev.3-2015	nt	2017	2017			
727.		Thịt bò ướp muối có xử lý nhiệt	Soát xét TCVN 9668:2013 Chấp nhận CODEX STAN 88-1981, Rev.3-2015	nt	2017	2017			
728.		Thịt vai lợn ướp muối có xử lý nhiệt	Soát xét TCVN 9669:2013		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Chấp nhận CODEX STAN 97-1981, Rev.3- 2015						
VI SINH VẬT TRONG THỰC PHẨM (Xây dựng 06 TCVN)									
729.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Kỹ thuật lấy mẫu để phân tích vi sinh đối với các mẫu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi	Chấp nhận ISO/TS 17728:2015	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2017	2017			
730.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Yêu cầu kỹ thuật và hướng dẫn xây dựng hoặc soát xét phương pháp chuẩn	Chấp nhận ISO 17468:2016	nt	2017	2017			
731.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp phát hiện, định lượng và phân loại kiểu huyết thanh của <i>Salmonella</i> – Phần 1: Phương pháp phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	Soát xét TCVN 4829:2005 (ISO 6579:2002, Cor 1:2004) Chấp nhận ISO 6579-1:2016	nt	2017	2017			
732.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp định lượng tính beta-glucuronidase – Phần	Soát xét TCVN 7924- 3:2008 (ISO/TS 16649-3:2005) Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		3: Phát hiện và kỹ thuật tính số có xác suất lớn nhất sử dụng 5-brom-4-clo-3-indolyl-β-D-glucuronid	ISO 16649-3:2015						
733.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) để phát hiện vi sinh vật gây bệnh qua thực phẩm – Yêu cầu đối với chuẩn bị mẫu để phát hiện định tính	Chấp nhận ISO 20837:2006	nt	2017	2017			
734.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) để phát hiện vi sinh vật gây bệnh qua thực phẩm – Phát hiện <i>Yersinia enterocolitica</i> và <i>Yersinia pseudotuberculosis</i> gây bệnh	Chấp nhận ISO/TS 18867:2015	nt	2017	2017			
PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH RƯỢU VANG (Xây dựng 07 TCVN)									
735.		Rượu vang – Xác định hàm lượng chất khô tổng số – Phương pháp khô lượng	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS2-03A revised 2009	TCVN/TC/F9 Đồ uống	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
736.		Rượu vang – Xác định hàm lượng tro	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS2-04 revised 2009	nt	2017	2017			
737.		Rượu vang – Xác định hàm lượng glucose và fructose – Phương pháp enzym	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS311-02 revised 2009	nt	2017	2017			
738.		Rượu vang – Xác định nồng độ rượu theo thể tích	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS312-01A revised 2009	nt	2017	2017			
739.		Rượu vang – Xác định độ axit tổng số	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS313-01 revised 2009	nt	2017	2017			
740.		Rượu vang – Xác định độ axit bay hơi	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS313-02 revised 2009	nt	2017	2017			
741.		Rượu vang – Xác định hàm lượng cacbon dioxit – Phương pháp chuẩn độ	Dựa trên cơ sở OIV-MA-AS314-01 revised 2009		2017	2017			
NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỐI VỚI VỆ SINH THỰC PHẨM (Xây dựng 05 TCVN)									
742.		Quy phạm thực hành vệ sinh đối với thực phẩm có độ ẩm nhỏ	Chấp nhận CAC/RCP 75-2015	TCVN/TC/F3 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
743.		Quy phạm thực hành kiểm soát cở đại để ngăn ngừa và giảm thiểu nhiễm bản pyrrolizidine alkaloid trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi	Chấp nhận CAC/RCP 74-2014	nt	2017	2017			
744.		Hướng dẫn quan sát để kiểm tra khuyết tật không chấp nhận được của lô hàng thực phẩm đóng hộp	Chấp nhận CAC/GL 17-1993	nt	2017	2017			
745.		Nguyên tắc chung đối với việc bổ sung chất dinh dưỡng thiết yếu vào thực phẩm	Chấp nhận CAC/GL 9-1987, Amd. 2-1991, Rev.1-2015	nt	2017	2017			
746.		Quy phạm thực hành vệ sinh để ngăn ngừa và giảm thiểu nhiễm bản ochratoxin A trong cacao	Chấp nhận CAC/RCP 72-2013	nt	2017	2017			
GIA VỊ (Xây dựng 06 TCVN)									
747.		Muối natri clorua dùng trong công nghiệp – Xác định hàm lượng canxi và magie – Phương pháp đo phức chất EDTA	Chấp nhận ISO 2482:1973	TCVN/TC/F4 <i>Gia vị và phụ gia thực phẩm</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
748.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng đồng – Phương pháp quang phổ kẽm dibenzylthiocarbamat	Dựa trên cơ sở EuSalt/AS 005-2005	nt	2017	2017			
749.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng florua – Phương pháp đo quang SPDANS	Dựa trên cơ sở EuSalt/AS 010-2005	nt	2017	2017			
750.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng asen – Phương pháp quang phổ bạc diethylthiocarbamat	Dựa trên cơ sở EuSalt/AS 011-2005	nt	2017	2017			
751.		Muối natri clorua – Xác định các nguyên tố – Phương pháp đo phổ phát xạ (ICP-OES)	Dựa trên cơ sở EuSalt/AS 015-2007	nt	2017	2017			
752.		Muối natri clorua – Xác định hàm lượng clorua – Phương pháp đo điện thế	Dựa trên cơ sở EuSalt/AS 016-2005	nt	2017	2017			
PHỤ GIA THỰC PHẨM – CELLULOSE (Xây dựng 08 TCVN)									
753.		Phụ gia thực phẩm – Cellulose vi kết tinh	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 7 (2009)	TCVN/TC/F4 <i>Gia vị và phụ gia thực phẩm</i>	2017	2017			
754.		Phụ gia thực phẩm – Cellulose bột	Dựa trên cơ sở JECFA	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Monograph 1 (2006)						
755.		Phụ gia thực phẩm – Methyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
756.		Phụ gia thực phẩm – Ethyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 13 (2012)	nt	2017	2017			
757.		Phụ gia thực phẩm – Hydroxypropyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
758.		Phụ gia thực phẩm – Hydroxypropylmethyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 11 (2011)	nt	2017	2017			
759.		Phụ gia thực phẩm – Methyl ethyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
760.		Phụ gia thực phẩm – Natri carboxymethyl cellulose	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 11 (2011)		2017	2017			
PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẤT NHỮ HÓA (Xây dựng 08 TCVN)									
761.		Phụ gia thực phẩm –	Dựa trên cơ sở	TCVN/TC/F4	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Gelatin thực phẩm	JECFA Monograph 1 (2006)	<i>Gia vị và phụ gia thực phẩm</i>					
762.		Phụ gia thực phẩm – Pectin	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 7 (2009)	nt	2017	2017			
763.		Phụ gia thực phẩm – Axit alginic	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
764.		Phụ gia thực phẩm – Natri alginat	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
765.		Phụ gia thực phẩm – Kali alginat	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
766.		Phụ gia thực phẩm – Amoni alginat	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
767.		Phụ gia thực phẩm – Canxi alginat	Dựa trên cơ sở JECFA Monograph 1 (2006)	nt	2017	2017			
768.		Phụ gia thực phẩm – Propylen glycol alginat	Dựa trên cơ sở JECFA	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Monograph 1 (2006)						
SẢN PHẨM TINH DẦU (Xây dựng 08 TCVN)									
769.		Tinh dầu gừng	Chấp nhận ISO 16928:2014	TCVN/TC/F2 <i>Dầu mỡ động vật và thực vật</i>	2017	2017			
770.		Tinh dầu hạt rau mùi	Chấp nhận ISO 3516:1997	nt	2017	2017			
771.		Tinh dầu húng quế, loại methyl chavicol	Chấp nhận ISO 11043:1998	nt	2017	2017			
772.		Tinh dầu hạt tiêu đen	Chấp nhận ISO 3061:2008	nt	2017	2017			
773.		Tinh dầu màng tang	Chấp nhận ISO 3214:2000	nt	2017	2017			
774.		Tinh dầu chanh ta (ép lạnh)	Chấp nhận ISO 3809:2004	nt	2017	2017			
775.		Tinh dầu cỏ hương bài	Chấp nhận ISO 4716:2013	nt	2017	2017			
776.		Tinh dầu oải hương	Chấp nhận ISO 3515:2002	nt	2017	2017			
PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỰC PHẨM BIẾN ĐỔI GEN (Xây dựng 05 TCVN)									
777.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO 16577:2016	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
778.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Định nghĩa và các yêu cầu chung đối với phép phát hiện các trình tự axit nucleic đặc thù	Chấp nhận ISO 16578:2013	nt	2017	2017			
779.		Phương pháp phân tích dấu chứng sinh học – Phương pháp phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của chúng – Phần 2: Phương pháp PCR thời gian thực đặc thù để phát hiện event FP967 trong hạt lanh và sản phẩm từ hạt lanh	Chấp nhận ISO/TS 21569-2:2012	nt	2017	2017			
780.		Phương pháp phân tích dấu chứng sinh học – Phương pháp phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của chúng – Phần 3: Phương pháp PCR thời gian thực đặc thù để phát hiện trình tự P35S trong sàng lọc sinh vật biến đổi gen	Chấp nhận ISO/TS 21569-3:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
781.		Thực phẩm – Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Các phương pháp dựa trên protein	Soát xét TCVN 7607:2007 (ISO 21572:2004) Chấp nhận ISO 21572:2013	nt	2017	2017			
THẨM TRÁI SÀN (<i>Xây dựng 11 TCVN</i>)									
782.		Thảm - Xác định lực rút cụm	Chấp nhận ISO 4919:2012	TCVN/TC 219 <i>Thảm trải sàn</i>	2017	2017			
783.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi – Các yêu cầu cho thảm trải sàn bằng cao su có lớp lót sau	Chấp nhận ISO 10575:2012	nt	2017	2017			
784.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi – Các yêu cầu cho thảm trải sàn bằng cao su không có lớp lót sau	Chấp nhận ISO 10577:2012	nt	2017	2017			
785.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi - Xác định khối lượng riêng	Chấp nhận ISO 23996:2007 (2013)	nt	2017	2017			
786.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi, vật liệu dệt và laminate – Phương pháp thử sự thoát ra của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	Chấp nhận ISO 10580:2010 (2015)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
787.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi, vật liệu dệt và laminate – Phân loại	Chấp nhận ISO 10874:2009 (2015)	nt	2017	2017			
788.		Thảm phủ sàn laminate – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 14486:2012	nt	2017	2017			
789.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt - Đánh giá sự thay đổi ngoại quan	Chấp nhận ISO 9405:2015	nt	2017	2017			
790.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt - Xác định độ bền điện	Chấp nhận ISO 10965:2011	nt	2017	2017			
791.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt - Xác định độ bền tách lớp	Chấp nhận ISO 11857:1999 (2015)	nt	2017	2017			
792.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt - Độ bền màu với dầu gội	Chấp nhận ISO 18168:2015	nt	2017	2017			
DỤNG CỤ TIẾP XÚC THỰC PHẨM									
793.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Phương pháp thử sự sốc nhiệt và độ bền sốc nhiệt	chấp nhận BS EN 1183:1997 (2012)	TCVN/TC 186 <i>Dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm</i>	2017	2017			
794.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm	chấp nhận BS EN	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Phương pháp thử sự hấp thụ nước của dụng cụ bằng gốm sứ	1217:1998 (2012)						
795.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Phương pháp thử tính trong mờ của dụng cụ bằng gốm sứ	Chấp nhận BS EN 1184:1997 (2012)	nt	2017	2017			
796.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Dụng cụ giữ nhiệt sử dụng trong gia đình - Phần 1: Các yêu cầu cho dụng cụ chứa chân không và bình, lọ giữ nhiệt	chấp nhận BS EN 12546- 1:2000 (2012)	nt	2017	2017			
797.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Dụng cụ giữ nhiệt sử dụng trong gia đình - Phần 2: Các yêu cầu cho bao gói và hộp giữ nhiệt	chấp nhận BS EN 12546- 2:2000 (2012)	nt	2017	2017			
798.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Dụng cụ giữ nhiệt để sử dụng trong gia đình - Phần 3: Các yêu cầu cho bao gói chịu nhiệt	Chấp nhận BS EN 12546- 3:2000 (2012)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
799.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo – Xác định nhiệt độ của vật liệu và dụng cụ bằng chất dẻo tại mặt phân cách chất dẻo/thực phẩm trong quá trình vi sóng và làm nóng trong lò để lựa chọn nhiệt độ phù hợp cho phép thử thời nhiễm	Chấp nhận BS EN 14233:2002 (2012)	nt	2017	2017			
800.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo – Phương pháp xác định sự tiếp xúc của chất béo	Chấp nhận BS EN 14481:2003 (2012)	nt	2017	2017			
PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN (Xây dựng 08 TCVN)									
801.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 1: Phương pháp xác định độ rò rỉ khí hít vào	Chấp nhận ISO 16900-1:2014	TCVN/TC 94 <i>Phương tiện bảo vệ cá nhân</i>	2017	2017			
802.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 2: Phương pháp xác định độ cản thở	Chấp nhận ISO 16900-2:2009	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
803.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 3: Phương pháp xác định khả năng chống các hạt bụi bay qua của bộ lọc	Chấp nhận ISO 16900-3:2012	nt	2017	2017			
804.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 4: Phương pháp xác định công suất của bộ lọc khí, phép thử động năng độ giải hấp và cacbon oxit	Chấp nhận ISO 16900-4:2011	nt	2017	2017			
805.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 6: Độ bền cơ học của các phụ kiện và bộ nối	Chấp nhận ISO 16900-6:2015	nt	2017	2017			
806.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 7: Phương pháp thử tính năng	Chấp nhận ISO 16900-7:2015	nt	2017	2017			
807.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 8: Phương pháp đo tốc độ dòng khí	Chấp nhận ISO 16900-8:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		RPD của RPD lọc bổ sung							
808.		Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 9: Xác định hàm lượng cacbon dioxit của khí hít vào	Chấp nhận ISO 16900-9:2015	nt	2017	2017			
VẬT LIỆU DỆT (<i>Xây dựng 12 TCVN</i>)									
809.		Vật liệu dệt – Xác định sự thay đổi kích thước của vải do hơi nước tự do	Chấp nhận ISO 3005:1978 (2015)	TCVN/TC 38 <i>Vật liệu dệt</i>	2017	2017			
810.		Vật liệu dệt – Xác định sự thay đổi kích thước của vải khi ngâm vào trong nước lạnh	Chấp nhận ISO 7771:1985 (2013)	nt	2017	2017			
811.		Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ chống thấm của vải bằng phép thử phun mưa Bundesmann	Chấp nhận ISO 9865:1991 (2011)	nt	2017	2017			
812.		Vật liệu dệt – Ảnh hưởng của hơi nóng khô lên vải tại áp suất thấp – Phần 1: Quy trình xử lý bằng hơi	Chấp nhận ISO 9866-1:1991 (2013)	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nóng khô trên vải							
813.		Vật liệu dệt – Ảnh hưởng của hơi nóng khô lên vải tại áp suất thấp – Phần 2: Xác định sự thay đổi kích thước của vải khi vải chịu tác động của hơi nóng khô	Chấp nhận ISO 9866-2:1991 (2013)	nt	2017	2017			
814.		Vật liệu dệt – Quy trình giặt vải dệt trước khi thử cháy	Chấp nhận ISO 10528:1995 (2011)	nt	2017	2017			
815.		Vật liệu dệt – Xác định độ chống thấm nước – Phép thử tác động thấm	Chấp nhận ISO 18695:2007 (2011)	nt	2017	2017			
816.		Vật liệu dệt – Xác định độ chống hấp thụ nước – Phép thử độ hấp thụ bằng thùng quay	Chấp nhận ISO 18696:2006 ISO 18696:2006/Cor 1:2009 (2015)	nt	2017	2017			
817.		Vật liệu dệt – Ký hiệu hướng xoắn sợi xe trong sợi và các sản phẩm liên quan	Chấp nhận ISO 2:1973 (2011)	nt	2017	2017			
818.		Xơ vật liệu dệt – Một số phương pháp lấy	Chấp nhận ISO 1130:1975	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		mẫu để thử	(2012)						
819.		Vật liệu dệt – Sợi cotton – Đánh giá chất lượng bằng phương pháp dòng khí	Chấp nhận ISO 10306:2014	nt	2017	2017			
820.		Sợi cotton – Phương pháp xác định hàm lượng đường – Phương pháp quang phổ	Chấp nhận ISO 18068:2014	nt	2017	2017			
ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ĐƯỜNG ỐNG (Xây dựng 04 TCVN)									
821.		Hệ thống đường ống dùng để vận chuyển nước trong điều kiện có áp và không áp - Hệ thống đường ống nhựa nhiệt rắn gia cường thủy tinh trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP)	Soát xét TCVN 9562:2013 Chấp nhận ISO/DIS 10639	TCVN/TC138 Ống, phụ tùng đường ống và van dùng để vận chuyển chất lỏng	2017	2017			
822.		Hệ thống ống bằng chất dẻo - Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh (GRP) - Xác định thời gian phá hủy dưới áp suất bên trong kéo dài	Chấp nhận ISO 7509:2015	nt	2017	2017			
823.		Hệ thống ống bằng	Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất dẻo - Ống và phụ tùng nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh (GRP) - Xác định độ bền với hóa chất của ống trong điều kiện bị biến dạng	ISO 10952:2014						
824.		Hệ thống ống bằng chất dẻo - Ống và phụ tùng nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh (GRP) - Phương pháp chứng minh kết cấu của phụ tùng	Chấp nhận ISO 18851:2015	nt	2017	2017			
GIẤY VÀ SẢN PHẨM GIẤY (Xây dựng 08 TCVN)									
825.		Giấy viết	Soát xét TCVN 5899:2001 Nghiên cứu tài liệu	TCVN/TC6 <i>Giấy và sản phẩm giấy</i>	2017	2017			
826.		Giấy in	Soát xét TCVN 6886:2001 Nghiên cứu tài liệu		2017	2017			
827.		Giấy và các tông - Xác định độ bền uốn - Phần 1: Tốc độ biến dạng không đổi	Soát xét TCVN 6894:2001 Chấp nhận ISO 2493-1:2010	nt	2017	2017			
828.		Giấy và các tông - Xác định độ bền uốn - Phần	Chấp nhận ISO 2493-2:2011	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		2: Máy thử dạng taber							
829.		Giấy và cactông - Xác định độ hấp thụ nước - Phương pháp Cobb	Soát xét TCVN 6726:2007 (ISO 535:1991) Chấp nhận ISO 535:2014	nt	2017	2017			
830.		Giấy và cactông - Xác định định lượng	Soát xét TCVN 1270:2008 (ISO 536:1995) Chấp nhận ISO 536:2012	nt	2017	2017			
831.		Giấy và các tông - Xác định độ bền kéo sau khi ngâm trong nước	Chấp nhận ISO 3781:2011	nt	2017	2017			
832.		Giấy và các tông - Xác định độ bền bề mặt - Phương pháp gia tốc sử dụng thiết bị thử loại IGT (kiểu điện)	Chấp nhận ISO 3783:2006	nt	2017	2017			
AN TOÀN ĐỒ CHƠI TRẺ EM (Xây dựng 5 TCVN)									
833.		Đồ chơi trẻ em – Phần 1: Các yêu cầu an toàn liên quan đến tính chất cơ lý	Soát xét TCVN 6238-1:2011 (ISO 8124-1:2009) Chấp nhận ISO 8124-1:2014	TCVN/TC 181 <i>An toàn đồ chơi trẻ em</i>	2017	2017			
834.		Đồ chơi trẻ em – Phần	Soát xét TCVN 6238-	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		2: Yêu cầu chống cháy	2:2008 (ISO 8124-2:2007) Chấp nhận ISO 8124-2:2014						
835.		Đồ chơi trẻ em – Phần 4: Đu, cầu trượt và các đồ chơi vận động tương tự sử dụng tại gia đình	Soát xét TCVN 6238-4A:2011 (ISO 8124-4:2010) Chấp nhận ISO 8124-4:2014	nt	2017	2017			
836.		Đồ chơi trẻ em – Phần 5: Xác định tổng nồng độ của một số nguyên tố có trong đồ chơi	Chấp nhận ISO 8124-5:2015	nt	2017	2017			
837.		Đồ chơi trẻ em – Phần 7: Yêu cầu và phương pháp thử cho sơn sử dụng bằng tay	Chấp nhận ISO 8124-7:2015	nt	2017	2017			
PHƯƠNG PHÁP ĐO MỨC ÂM PHÁT RA TỪ CÁC THIẾT BỊ SẢN PHẨM (Xây dựng 5 TCVN)									
838.		Âm học – Xác định mức tiếp xúc âm từ nguồn âm đặt gần tai – Phần 1: Kỹ thuật sử dụng một micro trong tai thật (Kỹ thuật MIRE)	Chấp nhận ISO 11904-1:2002	TCVN/TC43 Âm học	2017	2017			
839.		Âm học – Xác định mức tiếp xúc âm từ	Chấp nhận ISO 11904-	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nguồn âm đặt gần tai – Phần 2: Kỹ thuật sử dụng người giả	2:2004						
840.		Âm học – Xác định mức công suất âm của nguồn tiếng ồn sử dụng cường độ âm – Phần 1: Phép đo tại các điểm rời rạc	Chấp nhận ISO 9614-1:1993	nt	2017	2017			
841.		Âm học – Xác định mức công suất âm của nguồn tiếng ồn sử dụng cường độ âm – Phần 2: Phép đo quét	Chấp nhận ISO 9614-2:1996	nt	2017	2017			
842.		Âm học – Xác định mức công suất âm của nguồn tiếng ồn sử dụng cường độ âm – Phần 3: Phương pháp độ đúng để đo quét	Chấp nhận ISO 9614-3:2002	nt	2017	2017			
BẢO VỆ BỨC XẠ (Xây dựng 06 TCVN)									
843.		Thực hành đối với việc sử dụng hệ thống đo liều Fricke	Chấp nhận ISO/ASTM 51026:2015	TCVN/TC 85/SC2 <i>Bảo vệ bức xạ</i>	2017	2017			
844.		Thực hành đối với việc hiệu chuẩn hệ thống đo liều thường kỳ cho quá trình xử lý bức xạ	Chấp nhận ISO/ASTM 51261:2013	nt	2017	2017			
845.		Thực hành đối với việc	Soát xét	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sử dụng hệ thống đo liều dùng film bức xạ crom	TCVN 7910:2008 (ISO /ASTM 51275:2005) Chấp nhận ISO/ASTM 51275:2013						
846.		Thực hành đối với việc sử dụng hệ thống đo liều polymetyletacrylat	Soát xét TCVN 7911:2008 (ISO/ASTM 51276:2005) Chấp nhận ISO/ASTM 51276:2013	nt	2017	2017			
847.		Thực hành đo liều trong thiết bị tia X để xử lý phóng xạ tại năng lượng từ 50 keV đến 7,5 MeV	Chấp nhận ISO/ASTM 51608:2015	nt	2017	2017			
848.		Hướng dẫn ước lượng độ không đảm bảo đo liều trong quá trình xử lý bức xạ	Chấp nhận ISO/ASTM 51707:2015		2017	2017			
CÔNG NGHỆ XỬ LÝ RÁC THẢI (Xây dựng 02 TCVN)									
849.		Chất thải rắn – Phương pháp xác định thành phần chất thải rắn đô thị chưa qua xử lý	Chấp nhận ASTM D5231 - 92(2008)		2017	2017			
850.		Chất thải rắn – Phương pháp	Chấp nhận		2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp thực hành lấy mẫu chất rắn bỏ rời trong thùng hình ống hoặc thùng chứa tương tự	ASTM D5680 - 14						
TRUNG TÂM ĐIỀU KHIỂN – CÁC YÊU CẦU VỀ ECGÔNÔMI (<i>Xây dựng 07 TCVN</i>)									
851.		Thiết kế ecgônômi trong trung tâm điều khiển – Phần 1: Nguyên tắc thiết kế	Chấp nhận ISO 11064-1:2000	TCVN/TC 159 <i>Ecgônômi</i>	2017	2017			
852.		Thiết kế ecgônômi trong trung tâm điều khiển – Phần 2: Nguyên tắc bố trí buồng điều khiển	Chấp nhận ISO 11064-2:2000	nt	2017	2017			
853.		Thiết kế ecgônômi trong trung tâm điều khiển – Phần 3: Bố trí phòng điều khiển	Chấp nhận ISO 11064-3:1999 /ISO 11064-3:1999/Cor 1:2002	nt	2017	2017			
854.		Thiết kế ecgônômi trong trung tâm điều khiển – Phần 4: Kích thước và bố trí vị trí làm việc	Chấp nhận ISO 11064-4:2013	nt	2017	2017			
855.		Thiết kế ecgônômi trong trung tâm điều khiển – Phần 5: Hiện thị và điều khiển	Chấp nhận ISO 11064-5:2008	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
856.		Thiết kế ergonomi trong trung tâm điều khiển – Phần 6: Yêu cầu về môi trường đối với trung tâm điều khiển	Chấp nhận ISO 11064-6:2005	nt	2017	2017			
857.		Thiết kế ergonomi trong trung tâm điều khiển – Phần 7: Nguyên tắc đánh giá các trung tâm điều khiển	Chấp nhận ISO 11064-7:2006	nt	2017	2017			
QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (Xây dựng 03 TCVN)									
858.		Hệ thống quản lý môi trường – Hướng dẫn chung về việc thực hiện	Soát xét TCVN ISO 14004:2005 Chấp nhận ISO 14004:2016	TCVN/TC207 <i>Quản lý môi trường</i>	2017	2017			
859.		Nhãn môi trường và sự công bố môi trường – Các hình thức tự công bố về môi trường (Ghi nhãn môi trường kiểu II)	Soát xét TCVN ISO 14021:2013 Chấp nhận ISO 14021:2016		2017	2017			
860.		Quản lý môi trường – Xác nhận công nghệ môi trường (ETV)	Chấp nhận ISO 14034:2016		2017	2017			
THIẾT BỊ LÀM SẠCH KHÔNG KHÍ (Xây dựng 04 TCVN)									
861.		Phương pháp thử để đánh giá đặc tính tính	Chấp nhận ISO 10121-	TCVN/TC 142 <i>Thiết bị làm sạch</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		năng của môi trường làm sạch không khí pha khí và các dụng cụ thông khí chung – Phần 1: Môi trường làm sạch không khí pha khí	1:2014	<i>không khí và các khí khác</i>					
862.		Phương pháp thử để đánh giá đặc tính tính năng của môi trường làm sạch không khí pha khí và các dụng cụ thông khí chung – Phần 2: Dụng cụ làm sạch không khí pha khí	Chấp nhận ISO 10121-2:2013	nt	2017	2017			
863.		Các dụng cụ UV-C – Thông tin an toàn – Phơi nhiễm cho con người ở mức có thể chấp nhận	Chấp nhận <u>ISO/FDIS 15858</u>	nt	2017	2017			
864.		Phương pháp tại chỗ đối với các hệ thống lọc hiệu năng rất cao trong các cơ sở công nghiệp	Chấp nhận ISO/FDIS 16170		2017	2017			
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN TƯỚI TIÊU (<i>Xây dựng mới 03 TCVN</i>)									
865.		Hướng dẫn sử dụng nước thải qua xử lý cho các dự án tưới tiêu	Chấp nhận ISO 16075-1:2015	TCVN/TC 282 <i>Tái sử dụng nước</i>	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Phần 1: Cơ sở của dự án tái sử dụng							
866.		Hướng dẫn sử dụng nước thải qua xử lý cho các dự án tưới tiêu – Phần 2: Xây dựng dự án	Chấp nhận ISO 16075-2:2015	nt	2017	2017			
867.		Hướng dẫn sử dụng nước thải qua xử lý cho các dự án tưới tiêu – Phần 3: Các hợp phần của dự án tái sử dụng cho tưới tiêu.	Chấp nhận ISO 16075-3:2015	nt	2017	2017			
HẠ TẦNG CỘNG ĐỒNG THÔNG MINH (Xây dựng 05 TCVN)									
868.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Hệ thống quản lý cho phát triển bền vững – Yêu cầu hướng dẫn sử dụng;	Chấp nhận ISO 37101:2016	TCVN /JTC 1/SG 3 Thành phố minh	2017	2017			
869.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Chỉ số cho dịch vụ thành phố và chất lượng cuộc sống	Chấp nhận ISO 37120:2014	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
870.		Hạ tầng cộng đồng thông minh – Xem xét các hoạt động hiện có liên quan đến các metric;	Chấp nhận ISO/TR 37150:2014	nt	2017	2017			
871.		Hạ tầng cộng đồng thông minh – Nguyên tắc và yêu cầu đối với các metric về hiệu năng;	Chấp nhận ISO/TS 37151:2015	nt					
872.		Hạ tầng cộng đồng thông minh – Khung chung cho phát triển và vận hành;	Chấp nhận ISO/TR 37152:2016	nt					
THÀNH PHỐ THÔNG MINH (Xây dựng 07 TCVN)									
873.		Thành phố thông minh – Từ vựng	Chấp nhận BSI PAS 180	TCVN/JTC1 Công nghệ thông tin	2017	2017			
874.		Khung công tác Thành phố thông minh – Hướng dẫn thiết lập chiến lược cho thành phố và cộng đồng thông minh	Chấp nhận BSI PAS 181	nt	2017	2017			
875.		Mô hình khái niệm dữ liệu thành phố thông minh	Chấp nhận BSI PAS 182	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
876.		Tổng quan thành phố thông minh – Hướng dẫn cho nhà quản lý thành phố	Chấp nhận BSI PD 8100	nt	2017	2017			
877.		Thành phố thông minh – Hướng dẫn vai trò việc lập kế hoạch và quá trình phát triển	Chấp nhận BSI PD 8101	nt	2017	2017			
878.		Hướng dẫn phát triển bền vững	Chấp nhận BS 8904	nt	2017	2017			
879.		Quản lý mối quan hệ cộng tác	Chấp nhận BS 11000	nt	2017	2017			
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – KIẾN TRÚC THIẾT BỊ UPnP- GIAO THỨC ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ CÔNG INTERNET (Xây dựng 09 TCVN)									
880.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-1: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Thiết bị công internet	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-1:2008	TCVN JTC1/SC 35 <i>Giao diện người sử dụng</i>	2017	2017			
881.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-2: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Thiết bị mạng cục bộ)	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-2:2008	nt	2017	2017			
882.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-3: Giao thức	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-3:2008	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		điều khiển thiết bị công internet – Thiết bị mạng diện rộng							
883.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-4: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Thiết bị kết nối mạng diện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-4:2008	nt	2017	2017			
884.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-5: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Thiết bị điểm truy cập mạng cục bộ không dây	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-5:2008	nt	2017	2017			
885.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-10: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Dịch vụ quản lý cấu hình máy chủ mạng cục bộ	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-10:2008	nt	2017	2017			
886.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-11: Giao thức điều khiển thiết bị công internet – Dịch vụ chuyển tiếp tầng 3	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-11:2008	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
887.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-12: Giao thức điều khiển thiết bị công internet –Dịch vụ xác thực liên kết	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-12:2008	nt	2017	2017			
888.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-13: Giao thức điều khiển thiết bị công internet –Dịch vụ máy chủ radius	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-13:2008	nt	2017	2017			
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH (Xây dựng 07 TCVN)									
889.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Thuật ngữ và khái niệm	Chấp nhận ISO/IEC 33001:2015	TCVN/ JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2017	2017			
890.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Yêu cầu cho việc thực hiện đánh giá quy trình	Chấp nhận ISO/IEC 33002:2015	nt	2017	2017			
891.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Yêu cầu cho khung đo lường quy trình	Chấp nhận ISO/IEC 33003:2015	nt	2017	2017			
892.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Yêu cầu cho tham chiếu quy trình, đánh giá quy trình và mô	Chấp nhận ISO/IEC 33004:2015	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hình hoàn thiện							
893.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Hướng dẫn cải thiện quy trình	Chấp nhận ISO/IEC TR 33014:2013	nt	2017	2017			
894.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Khung đo lường quy trình cho việc đánh giá khả năng của quy trình	Chấp nhận ISO/IEC 33020:2015	nt	2017	2017			
895.		Công nghệ thông tin – Đánh giá quy trình – Mô hình đánh giá quy trình cho kiểm thử phần mềm	Chấp nhận ISO/IEC 33063:2015	nt	2017	2017			
ĐO LƯỜNG LƯỢNG LƯU CHẤT (Xây dựng 08 TCVN)									
896.		Hệ thống thiết bị đo dầu mỡ - Hướng dẫn lựa chọn đồng hồ đo	Tham khảo API 6.6:2012	TCVN/TC 30 <i>Đo lưu lượng lưu chất trong ống dẫn kín</i>	2017	2017			
897.		Đo dầu mỡ bằng hệ thống đo điện tử - Đo khối lượng	Tham khảo API 21.2:2000	nt	2017	2017			
898.		Hệ thống đo nhiên liệu hàng không – Yêu cầu chung	Tham khảo API 6.4:2007	nt	2017	2017			
899.		Đo hydrocacbon lỏng – Lắp đặt, hiệu chuẩn và vận hành hệ thống	Tham khảo API 6.1:2012	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		giao nhận tự động							
900.		Thiết bị đi kèm của đồng hồ đo chất lỏng – Yêu cầu tính năng	Tham khảo API 5.4:2005	nt	2017	2017			
901.		Đo lưu lượng lưu chất trong ống dẫn kín – Đồng hồ siêu âm đo khí – Phần 1: Đồng hồ trong các phép đo phân phối và giao nhận thương mại	Soát xét TCVN 8438 Chấp nhận ISO 17089-1:2010	nt	2017	2017			
902.		Đo lưu lượng lưu chất trong ống dẫn kín – Đồng hồ siêu âm đo khí – Phần 2: Đồng hồ cho các ứng dụng công nghiệp	Chấp nhận ISO 17089-2:2012	nt	2017	2017			
903.		Đo lưu lượng lưu chất trong ống dẫn kín – Đồng hồ đo thời gian chuyển tiếp siêu âm cho chất lỏng	Chấp nhận ISO 12242:2012	nt	2017	2017			
THÔNG TIN TƯ LIỆU (Xây dựng 04 TCVN)									
904.		Thông tin và tư liệu – Chuẩn bị và đánh dấu bản thảo điện tử	Chấp nhận ISO 12083:1994	TCVN/TC 46 <i>Thông tin và tư liệu</i>	2017	2017			
905.		Thông tin và tư liệu – Quy trình chuyển vị và biến đổi hồ sơ số	Chấp nhận ISO 13008:2012	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
906.		Thông tin và tư liệu – Sắp xếp theo hệ thống thông tin các vốn tài liệu	Chấp nhận ISO 20775:2009	nt	2017	2017			
907.		Thông tin và tư liệu – Mã văn bản tiêu chuẩn quốc tế	Chấp nhận ISO 21047:2009	nt	2017	2017			
MẪU CHUẨN (<i>Xây dựng 4 TCVN trên cơ sở soát xét 3 TCVN</i>)									
908.		Mẫu chuẩn – Thuật ngữ và định nghĩa	Soát xét TCVN 8890:2011 Chấp nhận <u>ISO/ Guide 30:2015</u>	TCVN/TC M1 <i>Mẫu chuẩn</i>	2017	2017			
909.		Mẫu chuẩn – Nội dung giấy chứng nhận, nhãn và tài liệu kèm theo	Soát xét TCVN 7962:2008 Chấp nhận <u>ISO/Guide 31:2015</u>	nt	2017	2017			
910.		Mẫu chuẩn – Thực hành tốt sử dụng mẫu chuẩn	Soát xét TCVN 8891:2011 + 8056 : 2008 Chấp nhận <u>ISO/Guide 33:2015</u>	nt	2017	2017			
911.		Mẫu chuẩn – Thiết lập và thể hiện liên kết chuẩn đo lường của	Chấp nhận ISO/TR 16476:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		các giá trị đại lượng ấn định cho mẫu chuẩn							
ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ (Xây dựng 04 TCVN)									
912.		Phương pháp thống kê đánh giá độ không đảm bảo – Hướng dẫn đánh giá độ không đảm bảo bằng cách sử dụng thiết kế hai yếu tố	Chấp nhận ISO/TS 17503:2015	TCVN/TC 69 <i>Ứng dụng các phương pháp thống kê</i>	2017	2017			
913.		Phương pháp định lượng trong cải tiến quá trình – Sáu sigma – Năng lực của nhân sự chủ chốt và tổ chức trong mối quan hệ giữa Sáu sigma và Tinh gọn	Chấp nhận ISO 18404:2015		2017	2017			
914.		Khía cạnh thống kê của lấy mẫu vật liệu dạng rời – Phần 1: Nguyên tắc chung	Chấp nhận ISO 11648-1:2003		2017	2017			
915.		Khía cạnh thống kê của lấy mẫu vật liệu dạng rời – Phần 2: Lấy mẫu vật liệu hạt	Chấp nhận ISO 11648-2:2001		2017	2017			
QUẢN LÝ DỰ ÁN (Xây dựng 3 TCVN)									
916.		Hướng dẫn quản lý dự án	Chấp nhận ISO 21500:2012	TCVN/TC 258 <i>Quản lý dự án</i>	2017	2017			
917.		Quản lý dự án, chương trình và danh mục đầu	Chấp nhận	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tư – Hướng dẫn quản lý danh mục đầu tư	ISO 21504:2015						
918.		Quản lý dự án, chương trình và danh mục đầu tư – Hướng dẫn quản trị	Chấp nhận ISO 21505:2016	nt	2017	2017			
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP (Xây dựng 03 TCVN)									
919.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với cơ quan công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp	Soát xét TCVN ISO/IEC 17011:2007 Chấp nhận ISO/IEC 17011:2016	TCVN/CASCO <i>Đánh giá sự phù hợp</i>	2017	2017			
920.		Yêu cầu chung đối với năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn	Soát xét TCVN ISO/IEC 17025:2007 Chấp nhận ISO/IEC 17025:2016	nt	2017	2017			
921.		Yêu cầu chung đối với năng lực của nhà sản xuất mẫu chuẩn	Soát xét TCVN 3766:2011 Chấp nhận ISO/IEC 17034:2016	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (Xây dựng 02 TCVN)									
922.		Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng ISO 9001:2015	Chấp nhận ISO 9002:2016	TCVN/TC 176 <i>Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng</i>	2017	2017			
923.		Dụng cụ y tế - Hệ thống quản lý chất lượng – Yêu cầu đối với các mục đích chế định	Soát xét TCVN 13485:2004 Chấp nhận ISO 13485:2016	nt	2017	2017			
MÃ SỐ MÃ VẠCH (Xây dựng 06 TCVN)									
924.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định đơn nhất – Phần 1: Các đơn vị vận tải riêng	Soát xét TCVN 8021-1:2008 (ISO/IEC 15459-1:2006); Chấp nhận ISO/IEC 15459-1:2014,	JTC1/SC31 <i>Tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia về thu thập dữ liệu tự động</i>	2017	2017			
925.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định đơn nhất – Phần 2: Thủ tục đăng kí	Soát xét TCVN 8021-2:2008 (ISO/IEC 15459-2:2006); Chấp nhận ISO/IEC 15459-2:2015,		2017	2017			
926.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định	Soát xét TCVN 8021-3:2009 (ISO/IEC 15459-3:2006	nt	2017	2017			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đơn nhất – Phần 3: Quy tắc chung	Chấp nhận ISO/IEC 15459-3:2014						
927.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định đơn nhất – Phần 4: Sản phẩm riêng và bao gói sản phẩm	Soát xét TCVN 8021-4:2009 (ISO/IEC 15459-4:2008) Chấp nhận ISO/IEC 15459-4:2014	nt	2017	2017			
928.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định đơn nhất – Phần 5: Đơn vị vận tải có thể quay vòng riêng	Soát xét TCVN 8021-5:2009 (ISO/IEC 15459-5:2007) Chấp nhận ISO/IEC 15459-5:2014	nt	2017	2017			
929.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Mã phân định đơn nhất – Phần 6: Lập nhóm sản phẩm	Soát xét TCVN 8021-6:2009 (ISO/IEC 15459-6:2007) Chấp nhận ISO/IEC 15459-6:2014	nt	2017	2017			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch cần được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.